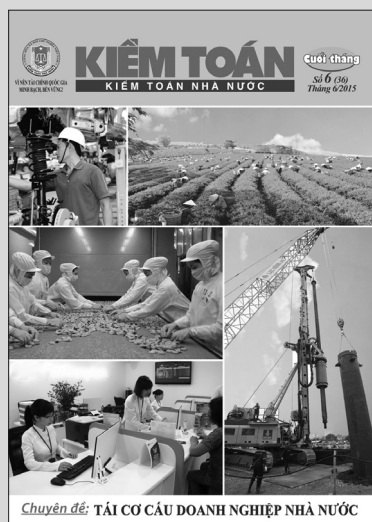




TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ



KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 36 - Tháng 6/2015

MỤC LỤC

KỶ NIỆM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21/6)

Văn Hùng Nhìn lại mình trong ngày sinh nhật **2**

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Phạm Thanh Sơn Tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của các tổ chức tín dụng **4**

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Huỳnh Hữu Thọ Nét mới trong tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2015 **6**

Ngô Trí Long Những bất ổn trong vấn đề điều hành giá xăng dầu thời gian qua... **8**

Vũ Điệp Giang Sự tăng nhiệt của thị trường bất động sản và ám ảnh về một cơn sốt chưa xa **10**

Xuân Hồng Xã hội hóa cảng hàng không, sân bay: Giải bài toán nguồn vốn đầu tư **13**

Thùy Lê Làm thế nào để tận dụng quyền bảo hộ trong tự do hóa thương mại? **16**

CHUYÊN ĐỀ: TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Đặng Quyết Tiến Kết quả thực hiện tái cơ cấu DNNN thời gian qua và các giải pháp đẩy mạnh trong năm 2015 **19**

Khương Tiến Hùng 10 lý do để Việt Nam cần phải thực hiện tái cơ cấu DNNN **22**

Trần Tiến Cường Cổ phần hóa DNNN - vấn đề vướng mắc và một số khuyến nghị **25**

Nguyễn Tiến Dũng Xây dựng cơ chế giám sát việc sử dụng vốn đầu tư - một giải pháp tái cấu trúc tập đoàn và DNNN **29**

TRAO ĐỔI

Trần Phương Thùy Tái cơ cấu Ngân hàng Thương mại Nhà nước Việt Nam do KTNH thực hiện **32**

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Bắc Sơn Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm thuộc đường vành đai III Thành phố Hà Nội: Hoàn thành vượt tiến độ nhưng chất lượng vẫn chưa đảm bảo **35**

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên Vi phạm tài chính tại Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Nga **38**

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Nhìn lại mình trong ngày sinh nhật

 **VĂN HÙNG**

Nhằm nay, những người làm báo trong cả nước đón chào ngày sinh nhật của mình trong tâm trạng đặc biệt. Ai cũng vui vì trong những ngày này, cả xã hội đều tôn vinh nghề cao quý, động viên người làm báo cống hiến nhiều hơn cho đất nước bằng chính bút lực của mình. Báo chí vẫn chứng minh được “quyền năng” dẫn dắt, định hướng dư luận, góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển. Báo chí đang đứng trước những cơ hội lớn để khẳng định và phát triển nhưng cũng phải suy ngẫm, trăn trở rất nhiều vì đời sống báo chí tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Không chỉ báo in (báo giấy) mà cả báo điện tử đều gặp khó. Trong cái khó lớn sự sáng tạo, đã có những cơ quan báo chí (tuy không nhiều) tìm được lối đi riêng có để tiếp tục tồn tại, phát triển, khẳng định thương hiệu, vượt qua thời kỳ “khủng hoảng”. Và trong cái khó cũng bộc lộ hạn chế, tiêu cực của một bộ phận người làm báo.

Mọi người đều dễ thống nhất, báo chí (trong đó có các đài PTTH) ở nước ta những năm qua phát triển khá nhanh về số lượng và loại hình nhưng không tỷ lệ thuận với chất lượng. Trái lại, số lượng quá lớn, chồng chéo và trùng lặp thông tin gây lãng phí

nguồn lực đầu tư của xã hội, kìm hãm hiệu quả tuyên truyền. Không ít ấn phẩm báo chí xuất bản ngoài bán, tặng, có thể một số lượng không nhỏ chẳng ai đọc để rồi chuyển thành giấy vụn. Sự vượt rào về tôn chỉ, mục đích khá phổ biến ở nhiều ấn phẩm báo chí, trong muôn vàn nguyên nhân có cả động cơ báo chí muốn có bạn đọc, nhất là báo điện tử, trang tin điện tử. Nội dung ấn phẩm này thường tập trung phản ánh mặt trái, tiêu cực của đời sống xã hội, đi sâu khai thác những thông tin mà bộ phận không nhỏ người nghe, xem, đọc quan tâm: chuyện giết gân, câu khách, dung tục... những câu chuyện thiên về bạo lực, tình ái, đời tư... Với báo chí, số lượng phát hành, lượng bạn đọc truy cập, ý kiến bình luận, tranh cãi là động lực, điều kiện để có thêm bạn đọc, có lợi nhuận, trong đó có quảng cáo. Lại có những ấn phẩm báo chí được bao cấp từ ngân sách nhà nước, đang ít dần bạn đọc bởi sự chậm đổi mới tư duy truyền thông, không có sự cạnh tranh nên thiếu động lực đổi mới hình thức và chất lượng nội dung thông tin. Để thẩm định nhận xét này hãy đến các thư viện, phòng đọc, các sạp báo, quầy sách để tận thấy.

Nhiều thông tin không chính thống trên mạng xã hội

tuy nhanh nhạy nhưng thiếu chuẩn xác, không ý thức chính trị đã cung cấp cho xã hội thông tin gây nhiễu loạn tâm lý, lệch lạc nhận thức, không định hướng được chân, thiện, mỹ. Quản lý báo chí, vì lẽ đó gặp không ít khó khăn, việc quy hoạch báo chí lại càng trở nên cần thiết.

Có lẽ, về cơ bản ai cũng thừa nhận trước thực tế đó quy hoạch lại báo chí cả nước là hợp lý, hợp tình. Cả người thụ hưởng thông tin và làm ra sản phẩm thông tin đều khá thống nhất ở nhận thức chung đó.

Thời gian qua, báo chí đã bộc lộ những yếu kém như xa rời tôn chỉ mục đích, có những người làm báo (không nhiều nhưng cũng không phải cá biệt) động cơ lệch lạc, kể cả người “trong vai” cộng tác viên, phóng viên chưa có thể đã có những biểu hiện thiếu vô tư khách quan quá trình tác nghiệp; mục tiêu của họ là tập trung vào những sơ hở, yếu kém của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để khai thác thông tin. Đã xuất hiện sự thỏa hiệp có điều kiện giữa đối tượng được phản ánh và người làm báo để đôi bên cùng có lợi. Ấy là chưa kể việc, đơm đặt thông tin, hù dọa người khác... Việc quản lý các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú ở một số cơ quan báo chí còn chưa được quan

tâm đúng mức. Mặc dù ở VN không có báo chí tư nhân nhưng tư nhân tham gia vào một hay nhiều khâu xuất bản báo chí (và xuất bản sách) lại rất nhộn nhịp, khá phổ biến. Đã có biểu hiện thao túng, chi phối báo chí theo hướng tiêu cực. Trong trường hợp này, các nhà quản lý còn tỏ ra lúng túng. Nhất là, báo chí khi có sự đầu tư của tư nhân, trong đó có cả nhà đầu tư nước ngoài dưới dạng liên kết, những tình huống phát sinh đang đặt ra cho nhà chỉ đạo, quản lý cần đổi mới tư duy vượt trước và hội nhập về truyền thông. Vì thế, việc quản lý nhân sự, định hướng nội dung sản phẩm báo chí của cơ quan chủ quản sẽ phải đổi mới với những khó khăn mới.

Để báo chí phát triển lành mạnh, đúng hướng, thuận lợi cho công tác quản lý, cần xây dựng lộ trình thích hợp trong việc triển khai quy hoạch. Trước mắt, cần sớm theo dõi sát sao để căn chỉnh lại tôn chỉ, mục đích của từng cơ quan báo chí. Làm tốt việc này, đời sống báo chí, nhất là nội dung tư tưởng sẽ trật tự, kỷ cương. Thứ nữa, trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc định hướng quy hoạch, nên nhường quyền để các bộ, ban, ngành và các cơ quan chủ quản báo chí tự rà soát và đề xuất phương án tổ chức lại các đơn vị báo chí của mình. Từ đó, cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí xem xét cho ý kiến về tổ chức bộ máy báo chí thích hợp. Các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí nên đi sát hơn đời sống thực

tế của cơ quan báo chí dự kiến sẽ gặp khó khăn trong quá trình sắp xếp lại. Qua đó, nắm bắt sát hơn tâm tư, nguyện vọng, thậm chí cả chuyện “nội tình” để có những quyết định hợp lý, hợp tình. Đương nhiên, luôn lắng nghe, luôn luôn thấu hiểu ý kiến đóng góp từ các cơ quan báo chí trở nên cần thiết để công tác chỉ đạo, triển khai đề án quy hoạch đạt được sự đồng thuận và hiệu quả cao. Tới đây, phần lớn các cơ quan báo chí phải tự cân đối thu chi, tự nuôi mình, thoát ly dần sự bao cấp của ngân sách, nhà nước, vận hành theo cơ chế thị trường. Vậy nên, vai trò điều hành, chỉ đạo của cơ quan chủ quản với các cơ quan báo chí gặp không ít thách thức.

Những băn khoăn, trăn trở, cả đồng thuận và lo lắng của người làm báo trước quyết định có tính căn cơ về hệ thống báo chí cả nước là điều dễ hiểu. Đó cũng là sự mong mỏi, đòi hỏi chính đáng của những người làm báo với cơ quan xây dựng, chỉ đạo triển khai đề án quy hoạch báo chí để tạo nên sự đồng thuận cao nhất khi phải sáp nhập, giảm bớt các cơ quan báo chí, thay đổi bộ máy tổ chức liên quan đến việc làm, vị trí lãnh đạo, quản lý của từng cơ quan báo chí cụ thể.

Mỗi người tự nhìn lại mình một cách nghiêm túc để thấy cả cái được, cái tích cực, mặt tồn tại để khắc phục và tự điều chỉnh mình. Phải chăng đó cũng là cách chào đón Ngày sinh nhật mình.■

Nhớ lời Bác dạy

Chí bền tâm sáng sắc chẳng phai
Nhà báo phải luôn luyện đức tài
Gần gũi với dân làm phóng sự
Đi sâu cơ sở viết tin bài
Lắng phí tham những cần nêu đúng
Nhân tố điển hình viết chẳng sai
Ý Đảng lòng dân luôn tỏa sáng
Thuộc lời Bác dạy “viết cho ai”.

TRỊNH MINH THUYẾT

Tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của các tổ chức tín dụng



Trò chuyện cùng ông **Phạm Thanh Sơn**,
Kiểm toán trưởng, KTNN chuyên ngành VII

quyền ban hành các chính sách, quy định về thuế, phí liên quan đến các giải pháp thực hiện và các TCTD thực hiện Đề án;

Ba là, đánh giá trách nhiệm của các TCTD trong việc xây dựng và thực hiện các phương án cơ cấu lại theo các giải pháp và định hướng của Đề án;

Bốn là, đánh giá những kết quả đã đạt được, chưa đạt được, những khó khăn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Đề án, để đưa ra các kiến nghị với các TCTD, NHNN, Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan.

Trên cơ sở những mục tiêu nêu trên, nội dung chính mà cuộc kiểm toán hướng tới, đó là: Kiểm toán đánh giá trách nhiệm của NHNN, Bộ Tài chính và các TCTD trong việc triển khai thực hiện “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung đánh giá tình hình phân loại thống kê nợ xấu của các TCTD; sở hữu chéo; việc ban hành cơ chế chính sách của NHNN, Bộ Tài chính; công tác xây dựng, phê duyệt và triển

khai phương án cơ cấu lại của các TCTD.

Để đạt được những mục tiêu trên, KTNN đã có sự chuẩn bị như thế nào cho quá trình thực hiện, thưa ông?

Ngay từ trong năm 2013 và năm 2014, KTNN đã triển khai nghiên cứu và tổ chức nhiều cuộc thảo luận, tọa đàm về mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm toán việc tái cơ cấu hệ thống các TCTD. Đây cũng là nội dung mà KTNN chuyên ngành VII đã nghiên cứu trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2013: “*Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm toán đánh giá tình hình cơ cấu lại các ngân hàng thương mại nhà nước*” và đã nghiệm thu trong năm 2014.

Năm 2015, để chuẩn bị cho Chuyên đề kiểm toán này, KTNN chuyên ngành VII đã xây dựng Dự thảo Đề cương kiểm toán Chuyên đề và lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo này. Bên cạnh việc lấy ý kiến từ các đơn vị trong ngành, chúng tôi còn tham khảo những đóng góp của các đơn vị ngoài ngành như NHNN, Bộ Tài

Chuyên đề kiểm toán việc thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) giai đoạn 2011-2015” là một trong những trọng điểm kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) trong năm 2015. Với tư cách là đơn vị trực tiếp thực hiện cuộc kiểm toán, ông có thể cho biết mục tiêu cũng như nội dung chính của cuộc kiểm toán này?

Chúng tôi là đơn vị trực tiếp thực hiện Chuyên đề kiểm toán này với một số mục tiêu:

Một là, đánh giá trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện Đề án;

Hai là, đánh giá trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc xây dựng, trình cơ quan có thẩm



chính... Sau khi nghiên cứu, trao đổi cũng như tiếp thu và chỉnh sửa, hiện nay, KTNN chuyên ngành VII đã hoàn thiện Dự thảo này và đã trình lãnh đạo KTNN để ban hành.

Để đạt được những mục tiêu kiểm toán đã đề ra, KTNN sẽ tổ chức thực hiện kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” lồng ghép với cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính tại các đơn vị: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong đó, khi thực hiện kiểm toán tại NHNN sẽ thực hiện đối chiếu chọn mẫu tại một số TCTD không có vốn nhà nước hoặc vốn nhà nước không chi phối; đồng thời thực hiện kiểm toán riêng biệt về tình hình và kết quả thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” tại Bộ Tài chính, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long.

Theo ông, với chức năng của KTNN, liệu chúng ta có gặp những khó khăn nếu phải kiểm toán các TCTD nằm ngoài sở hữu nhà nước?

Vấn đề này cũng đã được KTNN chuyên ngành VII nghiên cứu trước khi xây dựng Kế hoạch kiểm toán tổng thể năm 2015 và xây dựng Dự thảo Đề cương kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai



đoạn 2011-2015”.

Đối với các TCTD nằm ngoài sở hữu nhà nước, KTNN chuyên ngành VII dự kiến sẽ thực hiện chọn mẫu và đối chiếu kiểm tra thông qua NHNN khi thực hiện kiểm toán lồng ghép với kiểm toán báo cáo tài chính tại NHNN. Việc tổ chức đối chiếu kiểm tra thông qua NHNN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm toán đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Đề án cơ cấu lại tại các TCTD nằm ngoài sở hữu nhà nước. Và cách thức tổ chức kiểm toán này, theo KTNN chuyên ngành VII đánh giá, có tính khả thi cao.

Ông kỳ vọng gì về hiệu quả của cuộc kiểm toán này, đặc biệt là những tác động của nó tới quá trình tái cơ cấu nền kinh tế mà chúng ta thực hiện trong những năm qua?

Tôi tin rằng cuộc kiểm toán này sẽ đạt kết quả cao như mong đợi. Thông qua kiểm toán Chuyên đề này, KTNN sẽ đánh giá được tình hình triển khai và kết quả thực hiện Đề án. Qua đó,

KTNN sẽ mô tả được bức tranh tổng quan về thực trạng tài chính, năng lực, hiệu quả hoạt động của các TCTD sau khi thực hiện cơ cấu lại. Từ đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, chưa đạt được, những khó khăn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Đề án, để đưa ra các kiến nghị đối với các TCTD, NHNN, Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với mục tiêu tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của các TCTD; cải thiện mức độ an toàn và hiệu quả hoạt động của các TCTD; nâng cao trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng như đúng mục tiêu đề ra trong Đề án. Đặc biệt, kết quả của Chuyên đề kiểm toán này sẽ có tác động đến quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, vì cơ cấu lại hệ thống các TCTD có thể coi là “xương sống” cứu cả nền kinh tế như một số chuyên gia đã đánh giá.

Trân trọng cảm ơn ông!■

HỒNG ANH (thực hiện)

Nét mới trong tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2015



THS. HUỲNH HỮU THỌ - Vụ Tổng hợp, Kiểm toán Nhà nước

Ngày 29/12/2014, Tổng Kiểm toán Nhà nước đã ký ban hành Quyết định số 2238/QĐ-KTNN về Kế hoạch kiểm toán (KHKT) năm 2015, Quyết định số 2239/QĐ-KTNN về Giao nhiệm vụ kiểm toán năm 2015 cho các đơn vị trực thuộc KTNN. Xét trên mọi phương diện, KHKT năm 2015 đã có những chuyển biến mới mẻ so với các năm trước. Trong đó, có thể kể đến năm 2015 là năm đầu tiên KTNN tổ chức kiểm toán quyết toán ngân sách các địa phương trên quy mô rộng (50/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) nhưng chỉ chủ yếu tập trung vào kiểm toán các số liệu tổng hợp, đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành ngân sách của các địa phương; gắn liền với kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương (NSDP) còn có các cuộc kiểm toán Chuyên đề về “Công tác quản lý và sử dụng kinh phí NSNN đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ năm 2014”, “Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014” và “Công tác phát hành, quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014”; KTNN cũng đã đưa vào KHKT Chuyên đề kiểm toán thực hiện trong toàn ngành để tập trung đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015. Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2013-2017 (một trong những nội dung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt) về mục đích chiến lược “Tăng cường giá trị và lợi ích trong việc đánh giá tính kinh tế, tính hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản công”, KTNN đã mạnh dạn tổ chức 08 cuộc kiểm toán hoạt động trong năm 2015...

Xuất phát từ những nét mới của KHKT năm 2015 đòi hỏi việc tổ chức kiểm toán từ KTNN đến các đơn vị trực thuộc cũng phải đổi mới để có thể tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch đề ra.

Đối với kiểm toán quyết toán NSDP, mặc dù là lĩnh vực kiểm toán chiếm tỉ trọng lớn trong hoạt động kiểm toán và được thực hiện thường xuyên từ khi KTNN mới ra đời nhưng với quyết tâm đổi mới kiểm toán ở lĩnh vực này, ngay từ khi KHKT chưa được ban hành, Tổng Kiểm toán Nhà nước đã chỉ đạo việc xây dựng Đề cương kiểm toán và giao Vụ Tổng hợp chủ trì biên soạn làm cơ sở cho các Đoàn kiểm toán vận dụng trong quá trình tiến hành kiểm toán. Đề cương kiểm toán được ban hành đã bao quát hầu hết các nội dung chủ yếu của số liệu tổng hợp quyết toán NSDP cần kiểm toán, các vấn đề trọng tâm của công tác quản lý điều hành NSDP và xác định phạm vi sẽ thực hiện kiểm toán tại các cơ quan quản lý tổng hợp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước). Trong từng nội dung, từng vấn đề, Đề cương đã chỉ rõ các tài liệu cần thu thập, cách thức tiến hành kiểm toán, phương pháp tính toán, phân tích một số chỉ tiêu thu, chi ngân sách và những sai sót thường gặp được đúc kết từ hoạt động kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước tại các địa phương trước đây.

Rút kinh nghiệm từ việc tổ chức kiểm toán lồng ghép các nội dung kiểm toán những năm vừa qua, để tổ chức thực hiện kiểm toán quyết toán NSDP và các cuộc kiểm toán Chuyên đề: “Công tác quản lý và sử dụng kinh phí NSNN đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ năm 2014”, “Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014” và “Công tác phát hành, quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014”, KTNN đã xác định việc tổ chức thực hiện kiểm toán phải dựa trên nguyên tắc “Lồng ghép về tổ chức hoạt động kiểm toán, không lồng ghép về nội dung kiểm toán”. Theo đó, dù thực hiện nhiều chủ đề kiểm toán tại một địa phương nhưng việc tổ chức triển khai, kết luận kiểm toán quyết toán NSDP và các chuyên đề trên được thực



hiện không rườm rà, trùng lặp... nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của công tác kiểm toán đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị được kiểm toán, trong khi kết quả kiểm toán vẫn được tổng hợp thành những báo cáo riêng biệt của Đoàn kiểm toán, thuận tiện cho việc quản lý, điều hành hoạt động kiểm toán và tổng hợp kết quả kiểm toán của toàn ngành. Đặc biệt, khác với trước đây, thời điểm thực hiện kiểm toán có thể diễn ra sớm nhưng Báo cáo kiểm toán quyết toán NSDP chỉ phát hành khi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số liệu quyết toán chính thức (theo quy định của Luật NSNN trước 01/10 hàng năm) và phải trước ngày 30/11/2015. Bên cạnh việc chỉ đạo các Đoàn kiểm toán tập trung vào kiểm toán các số liệu tổng hợp quyết toán NSDP tại các cơ quan quản lý tổng hợp, KTNN còn yêu cầu các đơn vị trực thuộc giảm số ngày kiểm toán (còn từ 45-60 ngày) và nhân sự của Đoàn (còn từ 15-20 thành viên) tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, để tạo sự chủ động trong điều hành hoạt động kiểm toán và nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các KTNN khu vực, KTNN đã giao Kiểm toán trưởng quyết định việc tổ chức đối chiếu, xác nhận số liệu tại các đơn vị dự toán cấp tỉnh, cấp ngân sách huyện... theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm toán và phải báo cáo với lãnh đạo KTNN phụ trách.

Vượt lên trên tất cả, vấn đề cốt lõi của kiểm toán quyết toán NSDP trong KHKT năm 2015 là các Đoàn kiểm toán phải xác nhận số liệu quyết toán NSDP làm căn cứ cho HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê chuẩn quyết toán NSDP năm 2014.

Đối với cuộc kiểm toán Chuyên đề “Công tác phát hành, quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014”, ngoài việc lồng ghép tổ chức triển khai kiểm toán tại các địa phương, do nguồn trái phiếu Chính phủ được Trung ương phân bổ trực tiếp cho các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương nên cuộc kiểm toán này được tổ chức thành một Đoàn kiểm toán có quy mô lớn do KTNN chuyên ngành II chủ trì với sự tham gia của nhiều đơn vị trong ngành, đặc biệt là các KTNN khu vực để thực hiện kiểm toán tại các địa phương nhằm hạn chế chi phí di chuyển trong quá trình kiểm toán; đồng thời việc tổ chức một Đoàn kiểm toán đảm bảo phù hợp với tính chất, đặc thù của nguồn kinh phí, thuận tiện cho việc chỉ đạo hoạt động kiểm toán, tổng hợp kết quả lập báo cáo kiểm toán.

Đối với cuộc kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm

là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” được tổ chức theo hướng lồng ghép kiểm toán Chuyên đề này trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2014 của các doanh nghiệp. Trong đó, KTNN chuyên ngành VI là đơn vị chủ trì tổng hợp kết quả kiểm toán chuyên đề từ các đơn vị có liên quan trong ngành gửi về dưới hình thức báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán để lập báo cáo kiểm toán chung của Chuyên đề kiểm toán.

Về kiểm toán hoạt động, năm 2015 là năm đầu các cuộc kiểm toán hoạt động được chính thức xây dựng trong KHKT năm dù loại hình kiểm toán này chỉ mới được thử nghiệm qua 02 cuộc kiểm toán được bổ sung trong KHKT năm 2014. Đây có thể được xem là một thay đổi có tính chất bước ngoặt trong việc thực hiện Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020. Các chủ đề kiểm toán hoạt động được lựa chọn trong KHKT năm 2015 gồm: Hệ thống xử lý chất thải y tế của các bệnh viện tuyến Trung ương trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015; Hoạt động giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính đối với các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam giai đoạn 2012-2015; Chương trình hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người có thu nhập thấp, người nghèo khó khăn về nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; Đánh giá hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Dự án Phát triển Nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh và Dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng năm 2014. Từ đó cho thấy hướng chủ đạo của kiểm toán hoạt động là các vấn đề đang được dư luận xã hội quan tâm. Các cuộc kiểm toán hoạt động đều được giao cho các đơn vị có năng lực, có chuyên gia về lĩnh vực kiểm toán này thực hiện, trong đó Vụ Tổng hợp với phần lớn đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản về kiểm toán hoạt động đóng vai trò then chốt.

Thực tế việc tổ chức thực hiện KHKT năm 2015 đã tỏ rõ quyết tâm của toàn ngành trong đổi mới hoạt động kiểm toán và hướng hoạt động này đi theo những mục tiêu chiến lược đã được vạch ra trong Chiến lược phát triển Kiểm toán Nhà nước đến năm 2020 cũng như những mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn.■

Những bất ổn trong vấn đề điều hành giá xăng dầu thời gian qua...

 PGS.TS NGÔ TRÍ LONG - Chuyên gia kinh tế

Kể từ 15 giờ 30 phút ngày 4/6/2015, giá bán lẻ mặt hàng dầu hỏa giảm 380 đồng/lít; dầu diesel giảm 20 đồng/lít, còn giá xăng vẫn giữ nguyên ở mức cũ là 20.430 đồng/lít. Giá dầu hỏa theo đó sẽ còn 15.370 đồng/lít, dầu diesel còn 16.360 đồng/lít. Theo tính toán của Bộ Công thương, nếu tính đầy đủ, giá bán xăng trong nước vẫn thấp hơn giá cơ sở. Cụ thể, giá xăng A92 đang được bán thấp hơn giá cơ sở 1.047 đồng/lít. Giá dầu Mazut thấp hơn 98 đồng/kg.

Tuy nhiên, trên thực tế, giá cơ sở dầu diesel đã giảm xuống thấp hơn mức giá bán hiện hành là 19 đồng/lít; dầu hỏa thấp hơn 377 đồng/lít. Vì lý do này, Bộ Công thương chỉ quyết định giảm giá những loại dầu mà giá thế giới đã giảm, còn giá xăng giữ nguyên, đồng nghĩa với tiếp tục xả quỹ bình ổn bù đắp với xăng A92 là 1047 đồng/lít; xăng sinh học E5 là 882 đồng/lít; dầu mazut 98 đồng/kg. Quyết định này có hiệu lực từ 15g ngày 4/6/2015, các doanh nghiệp dầu mỏ không được bán vượt quá mức giá.

Như vậy, từ đầu năm 2015 cho tới nay, chúng ta đã 6 lần điều chỉnh giá xăng dầu. Về giá xăng 2 lần giảm, 3 lần tăng và lần này giá vẫn giữ nguyên; đó là ngày 11/3 với mức tăng 1.610 đồng/lít, ngày 5/5 với mức tăng 1.200 đồng/lít. Sau 3 lần, giá xăng A92 tăng 4.760 đồng so với mức đáy hồi tháng 1/2015, tương đương tăng hơn 23%. Đây là

mức tăng khá cao kể từ đầu năm 2015 cho tới nay, cho nên chắc chắn sẽ tác động tới sự tăng giá của nhiều loại hàng hóa, đặc biệt đối với loại hàng hóa dịch vụ có cơ cấu giá xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành cũng như tác động tới mặt bằng giá cả (tới lạm phát).

Giá xăng dầu hiện nay đang được điều hành theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, nhằm đưa giá bán xăng dầu trong nước tiệm cận với giá xăng dầu thế giới, góp phần hỗ trợ chi phí đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh, hỗ trợ đời sống sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, thực tế việc điều hành giá xăng dầu thời gian qua của chúng ta lại chưa đáp ứng được yêu cầu này. Có thể thấy rõ điều đó qua một số biểu hiện sau:

Thứ nhất, mặc dù chúng ta đã cố gắng để tuân thủ theo cơ chế giá xăng dầu trên thị trường và thế giới, có lên có xuống, nhưng

ở một số thời điểm, sự điều hành đó vẫn chưa phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường. Trong bối cảnh giá thế giới đang có xu hướng tăng, nếu tính đúng chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu là 15 ngày theo Nghị định 83/CP, thì ngày 29/4 là đến hạn phải điều chỉnh. Thế nhưng, do ngày điều chỉnh giá trùng vào đợt nghỉ lễ nên Bộ Công thương đã quyết định kéo dài và lùi thời điểm điều chỉnh vào ngày 5/5, dẫn đến chênh lệch giá cơ sở so với giá bán lẻ ở mức rất cao là 3.387 đồng/lít. Hoặc, tại thời điểm điều chỉnh giá xăng trong nước ngày 20/5, giá thế giới đang có xu hướng tiếp tục giảm thì Việt Nam lại điều chỉnh tăng nên đi ngược với giá thế giới. Sở dĩ có sự đi ngược này là do quy định tần số điều chỉnh giá 15 ngày không bắt kịp với diễn biến lên xuống phức tạp của giá xăng dầu thế giới.

Thứ hai, Nghị định 83/CP quy định việc điều hành giá vẫn chia làm 3 mức: Nếu giá cơ sở tăng từ 0 – 3% thì doanh nghiệp tự



quyết; từ 3 – 7% việc điều chỉnh giá có sự chỉ đạo của các Bộ, trên 7% là do Chính phủ quyết định. Nhưng trong thực tế điều hành giá hiện nay, dù giá cơ sở tăng ở biên độ nào thì vẫn phải do Nhà nước đưa ra quyết định. Việc điều hành giá xăng dầu như vậy là không phù hợp với quy định trong Nghị định 83/CP, song lại hoàn toàn phù hợp với cơ chế định giá trong nền kinh tế thị trường, khi mà thị trường vẫn còn có doanh nghiệp giữ vị trí thống lĩnh (Petrolimex chiếm 48% thị phần, PVOil chiếm 17% thị phần). Vấn đề ở đây là cần phải sửa lại quy định này trong Nghị định 83/CP, để quy định phù hợp hơn với diễn biến điều hành giá trong thực tế.

Chúng ta đang điều hành giá bán lẻ xăng dầu theo giá cơ sở, đó là căn cứ để xác định giá bán lẻ xăng dầu trên thị trường, tránh tình trạng các doanh nghiệp tự ý đẩy giá. Thực chất giá cơ sở là “giá trần”, và khái niệm giá trần đã được ghi rõ trong Luật Giá. Vậy, tại sao chúng ta lại không sử dụng khái niệm đó mà thay bằng thuật ngữ khác là “giá cơ sở” gây ra sự khó hiểu người tiêu dùng.

Thứ ba, sáng 10/3/2015, khi phải cắt giảm thuế nhập khẩu xăng dầu từ 35% xuống còn 20% từ ngày 1/5, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình bày trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị tăng thuế môi trường lên 300% để bù đắp ngân sách và cho rằng điều này không ảnh hưởng tới giá bán lẻ xăng dầu trong nước. Nhưng thực tế đã xảy ra không đúng như vậy, bởi giá xăng dầu trên thế phục hồi tương đối nhanh, cộng thêm việc tăng thuế

môi trường rất cao nên đã làm đội lên ít nhất là 309 đồng/lít, từ đó đẩy giá bán lẻ xăng dầu từ ngày 1/5 tăng 2 lần với mức tăng cao 3.150 đồng/lít. Thực tế này cho thấy những hạn chế trong việc dự báo diễn biến giá xăng dầu thế giới của chúng ta. Các cơ quan chức năng cần phải có các nguồn thông tin đáng tin cậy về dự báo giá xăng dầu thế giới để việc điều hành giá có hiệu quả.



Thứ tư, giá bán lẻ xăng dầu của mỗi nước tùy thuộc vào chính sách tài chính của mỗi quốc gia. Dựa vào giá xăng dầu thế giới, mỗi nước sẽ có một chính sách về thuế, các công cụ tài chính khác để định giá bán lẻ trong nước. Trong điều hành giá xăng dầu, cần vận dụng linh hoạt và hài hòa các “van” thuế, quỹ bình ổn, định mức lợi nhuận của doanh nghiệp cũng như giá bán lẻ, đồng thời, cần so sánh với giá xăng dầu của các nước để tham khảo và biết chính sách thuế, phí, hiệu quả của hoạt động kinh doanh xăng dầu. Theo Hiệp hội Xe hơi Hoa Kỳ, tại thời điểm

ngày 4/6/2015, giá xăng trung bình của nước Mỹ chỉ là 0,73 USD/ lít, tức khoảng 15.800 đồng. Điều này cho thấy giá xăng dầu của chúng ta cao hơn Mỹ là do thuế, chi phí kinh doanh cao. Cụ thể ngày 4/6/2015, trong một lít xăng tính trên giá cơ sở của chúng ta sẽ có: thuế nhập khẩu 2.194 đồng, VAT 1.094 đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt 3.076 đồng, thuế bảo vệ môi

trường 3.000 đồng. Như vậy, một lít xăng phải cộng theo 9.364 đồng tiền thuế, chiếm 45,83% trên giá bán lẻ, một mức rất cao.

Trong điều kiện thị trường xăng dầu còn có những doanh nghiệp giữ vị trí thống lĩnh thị trường, vấn đề điều hành giá xăng dầu trong nước cần phải biết sử dụng linh hoạt các công cụ thuế, phí, quỹ bình ổn và giá. Bên cạnh đó, cần phải có những giải pháp để vừa tuân thủ được những cam kết quốc tế, vừa đảm bảo được sự hài hòa lợi ích của Nhà nước (thuế) doanh nghiệp (lợi nhuận) và của người tiêu dùng (giá).■

Sự tăng nhiệt của thị trường bất động sản và ám ảnh về một cơn sốt chưa xa

 **VŨ ĐIỆP GIANG**



Vừa qua, Bộ Xây dựng đã cho công bố một bản báo cáo đầy lạc quan về thị trường bất động sản, theo đó, tính đến ngày 20/5/2015, tổng giá trị tồn kho còn khoảng 67.443 tỷ đồng, so với tháng 12/2013 đã giảm 27.015 tỷ đồng (28,60%); so với thời điểm 20/4/2015 giảm 1.338 tỷ đồng. Cũng trong tháng 5/2015, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) có từ 1600 – 1650 giao dịch chính thức qua sàn, tăng 6% so với tháng 4/ 2015 và tăng gấp đôi so với năm 2014. Về giá cả, các giao dịch thông thường hiện đã tăng từ 1- 3%, những vị trí tốt tăng từ 7- 10%. Kể từ đầu năm đến tháng 5/2015, lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai về số vốn FDI đầu tư vào Việt Nam với 10 dự án đăng ký mới

và 7 dự án tăng vốn. Tổng số tăng vốn là 461,5 triệu đô la Mỹ, chiếm 10,7% tổng vốn đầu tư. Ngoài ra, dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại trong lĩnh vực bất động sản đạt hơn 330.000 tỷ đồng, tăng 10% so với cuối năm 2014.

Thông tin trên có thể xem là những tín hiệu vui cho nền kinh tế nói chung cũng như các doanh nghiệp và người dân nói riêng, thế nhưng, dường như nó chưa đủ để chúng ta quên đi nỗi ám ảnh của một sự sụp đổ trên thị trường bất động sản. Tại hai phiên họp thường kỳ của Chính phủ gần đây, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vẫn phải liên tục cảnh báo về “tình trạng bong bóng” có thể xảy ra, đồng thời yêu cầu các ngân hàng phải lưu ý theo dõi, kiểm tra sát sao, tránh lặp lại tình

trạng ồ ạt đổ nguồn vốn đến mức gây ra một thị trường ảo như 6 năm về trước.

Như vậy, với những cơn sốt được đưa ra, liệu thị trường bất động sản đã thực sự ấm lên, và sự ấm lên đó liệu có chứa đựng những khả năng “biến chứng” để gây nên cơn sốt mới trong thời gian tới ?

Dấu hiệu tăng nhiệt bình thường hay bất thường?

Theo nhận định của các chuyên gia và các nhà quản lý, sau một thời gian đóng băng rất dài, thị trường bất động sản đã chính thức thoát đáy và ấm dần lên. Chỉ có điều, những biểu hiện ấm lên này là dấu hiệu hồi sinh hoàn toàn bình thường hay ẩn chứa sự bất thường thì vẫn còn có nhiều ý kiến chưa thống nhất.



Trong một cuộc thảo luận về thị trường bất động sản gần đây, PGS.TS Hoàng Văn Cường, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã đưa ra bản khoản: Theo quy luật thông thường, sự phục hồi của thị trường bất động sản phải đi sau sự phục hồi của nền kinh tế. Trong trường hợp của Việt Nam giai đoạn vừa qua, mặc dù thị trường bất động sản đã thoát đáy theo nền kinh tế nhưng sau đó, tốc độ ảm lên lại diễn biến nhanh hơn. Đây là điều không bình thường, bởi tốc độ kinh tế phải phục hồi mạnh mới có thể kéo theo sự phục hồi của bất động sản. Việc Chính phủ quan ngại về khả năng xảy ra một thị trường "bong bóng" có lẽ cũng xuất phát bởi lý do này.

Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, Ông Lê Hoàng Châu, Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản TP.HCM lại cho rằng: Trải qua "thời kỳ bong bóng" ở những năm trước, tất cả các chủ thể tham gia thị trường bất động sản như Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư đều đã thông minh hơn nên sẽ cố gắng để không phải quay lại tình trạng "bong bóng". Hơn thế, điều kiện để xảy ra tình trạng "bong bóng" bất động sản là phải xuất hiện cầu ảo và phải có một sự đầu tư lệch pha trên thị trường, chẳng hạn như chỉ hướng về phân khúc hạng sang. Yếu tố thứ hai là phải có nhiều nhà đầu tư hành động theo kiểu đầu cơ "bầy đàn", tạo ra những cơn sóng lớp sau cao hơn lớp trước, giá sau cao hơn giá trước, hình thành một sự đánh giá sai lệch để cả xã hội lao vào. Nhưng hiện tại, trên phân khúc thị trường có quy mô vừa

và nhỏ lại không xuất hiện nhiều nhà đầu cơ, cũng như rất ít những nhà kinh doanh thứ cấp. Ở phân khúc cao cấp, dù có thể xuất hiện một số nhà đầu tư lớn nhưng vẫn chưa đủ để làm thay đổi bản chất của thị trường, chưa trở thành nhà đầu cơ và đặc biệt là chưa xuất hiện nhà đầu cơ lũng đoạn.

Cũng theo quan điểm của ông Châu, thị trường bất động sản giống như vai trò của hai con chim báo tin nền kinh tế. Nếu gặp khủng hoảng, nó sẽ là con chim báo bão, thể hiện sự suy giảm của nền kinh tế; nhưng nếu thị trường phục hồi, nó sẽ là con chim én báo hiệu mùa xuân vì có thể kéo theo công ăn việc làm cho hàng loạt ngành nghề liên quan. Điều này lý giải việc thị trường bất động sản hồi phục nhanh hơn so với nền kinh tế là đúng quy luật. Thời điểm này, bất động sản đang ở vùng đáy đi lên, thành ra tốc độ hồi phục được gia tốc là chuyện không có gì bất thường.

Cùng quan điểm trên, một số chuyên gia khác cũng thừa nhận việc thị trường bất động sản vừa thoát đáy đã nóng lên là có cơ sở thực tiễn. Bởi lẽ, trong 5 năm đóng băng, rất nhiều người có nhu cầu và có đủ khả năng tài chính nhưng không tham gia thị trường. Đến khi thị trường chính thức thoát đáy, lớp khách hàng này đã đổ dồn vào mua bán trong cùng một thời điểm, giống như người nhện đói lâu ngày có được thức ăn thì dễ ăn nhanh, ăn no.

Nhìn chung, dù diễn biến bất thường hay bình thường thì việc thị trường bất động sản đổi chiều và gia tăng mức nhiệt luôn luôn cần được đưa ra lời cảnh báo.

Vấn đề quan trọng là trong thực tế, thị trường này sẽ tiếp tục có diễn biến như thế nào?

Nhiệt gia tăng nhưng khó biến thành cơn sốt...

Phần lớn các chuyên gia đều cho rằng, khả năng hình thành một thị trường "bong bóng" trong thời gian tới là không thể xảy ra. Nhận định đó dựa trên nhiều nguyên nhân. Ngoài lý do các chủ thể tham gia đều đã ném trái nhiều bài học đắt giá và trở nên thận trọng trong mỗi quyết định đầu tư, thì đặc điểm của nền kinh tế vĩ mô giai đoạn này cũng có tác động không nhỏ đến sự tăng trưởng của thị trường bất động sản. Một khi kế hoạch tăng trưởng năm 2015, 2016 của kinh tế vĩ mô chỉ ở mức trên dưới 6% thì thị trường bất động sản cũng sẽ đi chung quanh mức trần đó. Không thể nói GDP tăng trưởng thấp mà thị trường bất động sản lại nóng lên, vì kinh tế phát triển thì người lao động mới có nhiều việc làm, có thu nhập, có tích lũy tài chính để tham gia mua bán. Một thị trường bất động sản phát triển nóng luôn đứng đằng sau một nền kinh tế tăng trưởng nóng.

Trên thực tế, tuy đã được gia tốc, nhưng mức độ lợi nhuận của bất động sản hiện nay cũng sẽ không bao giờ lặp lại tình trạng lãi từ 80 – 100% như trước đây. Tại TP.HCM, mức độ lợi nhuận của các doanh nghiệp bất động sản trong năm 2014 chỉ đạt được từ 5% - 12%, trong khi một dự án bất động sản thường phải thực hiện từ 3 – 5 năm, thậm chí là hàng chục năm mới có sản phẩm đưa ra thị trường. Đây là mức độ lợi nhuận đã có sự chia sẻ rất lớn với người tiêu dùng



nên không phải quan ngại việc thị trường này hồi phục nhanh hơn nền kinh tế.

Nhìn một cách cụ thể, giới chuyên gia phân tích, tốc độ ẩm lên và khôi phục thị trường cũng sẽ khác nhau ở mỗi địa phương. Với TPHCM, từ nay đến cuối năm, đà hồi phục được cho là mạnh mẽ hơn, nhưng chắc chắn sẽ không có tình trạng đẩy lên bằng giá ảo. Sự mạnh mẽ ở đây là do thị trường được chứng kiến cuộc gặp gỡ của vô số sản phẩm thật với nhiều người có nhu cầu thật. Bên cạnh đó, TPHCM cũng đang rất tập trung để phát triển cơ sở hạ tầng, kết nối các trục chính giao thông nên thị trường bất động sản sẽ đi theo một cách hài hòa. Người mua ở đây cũng dễ dàng mua hàng qua chủ đầu tư nên không có chuyện gìm hàng, ém giá.

Vấn đề phát triển không bình thường được các chuyên gia tiên

lượng là có thể xảy ra đối với thị trường Hà Nội, khi tình trạng đầu cơ giữ giá ở đây không chỉ dừng lại ở nhóm nhà có thu nhập thấp mà cả với nhóm trung bình. Dù hàng tồn kho còn nhiều nhưng lượng cung bất động sản tại Hà Nội lại không rộng rãi như ở TPHCM. Đặc biệt là do thiếu thông tin nên thị trường Hà Nội vẫn có nguy cơ tạo ra tình trạng đầu cơ và nâng giá. Tuy nhiên, diễn biến này sẽ chỉ mang tính nhất thời và chỉ xảy ra trên một số khu vực nhất định. Xét trên mặt bằng chung, tốc độ tăng trưởng của thị trường Hà Nội từ nay đến cuối năm cũng sẽ chậm hơn tốc độ tăng trưởng trong thời gian vừa qua.

Căn cứ vào sự hoàn thiện thể chế, luật pháp, trong đó đáng chú ý là chính sách bán nhà ở cho người nước ngoài và Việt kiều, nhiều dự báo đã đưa ra những kỳ vọng khá tích cực cho thị trường

bất động sản Việt Nam. Mặc dù vậy, một số chuyên gia vẫn tỏ ra dè chừng, bởi khảo sát thị trường đã cho thấy, người nước ngoài thường chỉ có thói quen thuê nhà, còn với cộng đồng Việt Kiều, thực tế khi luật chưa cho phép, họ cũng đã từng mua nhà dưới nhiều hình thức khác nhau. Đến bây giờ khi luật cho phép thì điều đó cũng chỉ mang ý nghĩa tạo thuận lợi hơn, hoàn toàn không phải là yếu tố cơ bản để thúc đẩy một sự tăng trưởng nhanh cho thị trường.

Dù tới đây, tình trạng “biến chứng” thành cơn sốt là khó xảy ra, nhưng cảnh báo của Chính phủ vẫn luôn là điều cần thiết cho một thị trường vốn khó lường và nhạy cảm như bất động sản. Rất có thể, những cảnh báo đó sẽ là những hồi chuông giúp thị trường giữ được sự tỉnh táo để đi đến con đường phát triển bền vững, lành mạnh trong thời gian tới đây. ■

Xã hội hóa cảng hàng không, sân bay: Giải bài toán nguồn vốn đầu tư

 **XUÂN HỒNG**



Tốc độ tăng trưởng về kinh tế luôn có mối quan hệ mật thiết và là cầu nối thúc đẩy sự phát triển không ngừng của ngành vận tải hàng không, nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày một tăng. Thế nhưng, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, nhất là khi Việt Nam đã và đang tham gia hàng loạt các đàm phán FTA, sự bao cấp của Nhà nước đối với ngành hàng không đang trở nên “quá tải”. Xã hội hóa cảng hàng không (CHK), sân bay là một xu thế tất yếu để giải bài toán về nguồn vốn đầu tư cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực này.

Từ câu chuyện Cảng Hàng không quốc tế Long Thành...

Câu chuyện về Dự án đầu tư xây dựng CHK quốc tế Long Thành chưa bao giờ “nguội”, đặc biệt là trong những ngày gần đây, khi nghị trường Quốc hội lại “hâm nóng” chủ đề từng nổ ra rất nhiều tranh luận trái chiều. Đã qua 2 kỳ họp Quốc hội (thứ 8 và thứ 9), dù đại đa số đại biểu đã ấn nút tán thành, nhưng vẫn còn không ít ý kiến tỏ ra hoài nghi về tổng mức đầu tư, phân kỳ đầu tư, cơ cấu và khả năng huy động nguồn vốn của Dự án.

Theo Báo cáo mới nhất mà Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) gửi đến các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII, tổng mức đầu tư cho cả 3 giai đoạn từ 2018-2050 đã giảm từ 18,7 tỷ USD xuống 15,8 tỷ USD (giảm 2,9 tỷ USD); Trong đó, giai đoạn 1 triển khai từ năm 2018-2025, vốn đầu tư giảm mạnh nhất 33%, từ 7,8 tỷ USD xuống 5,2 tỷ USD, tương đương 109.970 tỷ đồng. Cát nghĩa sự tính toán chênh lệch so với trước đây, Bộ GTVT cho biết, ở giai đoạn 1, dự án chỉ đầu

tư 1 đường hạ cất cánh thay vì 2 đường như báo cáo ban đầu.

Về cơ chế tài chính đầu tư Dự án, Bộ GTVT cho biết, Dự án sẽ huy động vốn hỗn hợp: Giai đoạn 1, vốn NSNN chỉ chiếm 11,1% dùng cho công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng công trình cho cơ quan quản lý Nhà nước, với số tiền ước tính 12.149 tỷ đồng. Bộ GTVT sẽ phân bổ khoản vốn này trong 3 năm, mỗi năm 4.000 tỷ đồng nên có thể cân đối được. Nguồn vốn ODA sẽ chiếm 26,5% tổng vốn dự án giai đoạn 1, ước tính 29.177 tỷ



đồng, dự kiến dùng cho các hạng mục khu bay như đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ máy bay. Còn lại 62,4% tổng vốn Dự án là vốn ngoài ngân sách, ước khoảng 68.644 tỷ đồng. Dự kiến, nguồn vốn này để đầu tư cho các công trình có khả năng thu hồi vốn cao như nhà ga, các hạng mục thương mại.

Mới đây, trong Báo cáo số 886/BC-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ngày 02/6/2015 Giải trình, tiếp thu về Dự án đầu tư xây dựng Cảng Hàng không quốc tế Long Thành cũng chỉ rõ: Theo đề xuất của Chính phủ, trường hợp thu hồi đất 1 lần 2.750 ha thì tổng mức đầu tư giai đoạn 1 của Dự án là 5,23 tỷ USD. UBTVQH đề nghị thu hồi đất 1 lần 5.000 ha thì tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 5,45 tỷ USD (tăng khoảng 220 triệu USD so với phương án thu hồi 2.750 ha). Về hình thức đầu tư, dự kiến sử dụng vốn NSNN vào những hạng mục đầu tư không thể huy động vốn từ khu vực

ngoài nhà nước.

Đồng tình với giải trình của UBTVQH, đại biểu Nguyễn Cao Sơn (Hòa Bình) cho biết, ông ủng hộ phương án vốn NSNN và vốn ODA chỉ chiếm khoảng 1/3 tổng vốn đầu tư, 2/3 huy động từ các nguồn xã hội hóa, cụ thể từ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tư nhân và ngoài nước.

Đại biểu Nguyễn Quốc Bình (Hà Nội) khuyến nghị: Cần lựa chọn hình thức đầu tư PPP là chủ yếu khi lập Dự án. Nếu đầu tư theo hình thức PPP, Nhà nước có đất đai, hạ tầng, nhân lực...; nhà đầu tư có vốn, công nghệ, mạng lưới, quan hệ, trình độ quản lý, vận hành, khai thác, vì thế sẽ phát huy được thế mạnh của cả hai bên và tăng tính hiệu quả toàn diện cho Dự án, tận dụng khả năng về vốn và khả năng vận hành một sân bay quốc tế tầm cỡ khu vực của nhà đầu tư. Kết hợp 2 hình thức ODA và PPP, trong đó hình thức PPP chiếm tỷ trọng chủ yếu, là một sự lựa chọn phù hợp trong tình hình thực tế của Dự án ở giai đoạn 1.

Trong cuộc họp gần đây, Bộ GTVT cho hay, hiện có nhiều đối tác nước ngoài đang quan tâm tới Dự án như Tập đoàn ADP của Pháp; Tập đoàn Samsung, Công ty CHK Incheon của Hàn Quốc; Mitsubishi, Công ty CHK Narita của Nhật Bản... Trong đó, đại diện Tập đoàn ADP đã đề nghị đầu tư 2,5 - 3 tỷ USD để xây dựng và vận hành nhà ga hành khách CHK quốc tế Long Thành dưới sự thu xếp của Ngân hàng Credit Suisse. Đồng thời, ADP cũng mong muốn trở thành cổ đông chiến lược của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) thông qua việc mua 25-30% cổ phần của ACV.

Có thể thấy, đề xuất của ADP về việc ứng trước 25% đến 30% giá trị cổ phần của ACV để trở thành cổ đông chiến lược của doanh nghiệp này cũng là một hình thức được phép theo các quy định bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiện hành. Theo đó, có hai hình thức bán cho cổ đông chiến lược là bán thỏa thuận trước IPO (như nhà đầu tư Pháp đề nghị) và bán sau IPO.

... Tới vấn đề xã hội hóa cảng hàng không, sân bay

Cách đây 3 năm, Vietjet Air - Hãng hàng không trẻ tuổi nhất Việt Nam đã bay trong sự hoài nghi, lo lắng xen lẫn cảm giác chờ đợi, hy vọng của rất nhiều người. Kết quả sau 3 năm, nhờ sự có mặt của Vietjet Air, việc vận chuyển hành khách nội địa của toàn ngành đã tăng trên 20% (cao nhất từ trước tới nay) và nhu cầu đi lại bằng máy bay đã không còn trở nên quá xa xỉ với đại đa số dân chúng. Nhờ chính sách mở cửa cho tư nhân tham

gia vào vận chuyển hàng không, Vietjet đã phát triển đội bay với 23 chiếc tàu bay mới và trong năm 2014, doanh thu công ty đạt trên 8.100 tỷ đồng, nộp ngân sách và thu hộ các lệ phí đạt trên 1.400 tỷ đồng, lũy kế trên 2.600 tỷ đồng.

Mới đây, Bộ trưởng Bộ GTVT Đinh La Thăng vừa có văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm nhượng quyền CHK quốc tế Phú Quốc để lấy vốn xây dựng sân bay Long Thành. Văn bản nêu rõ, trong thời gian qua, Bộ GTVT đã xây dựng Đề án xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông trong đó có Đề án "Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không".

Với hình thức nhượng quyền khai thác sân bay, nhà đầu tư sẽ vận hành khai thác công trình và trả lại Nhà nước sau một thời gian nhất định. Người sử dụng (trong đó có cả các hãng hàng không) sẽ được hưởng dịch vụ tốt hơn với giá cả hợp lý hơn. Nhà nước sẽ thu hồi được khoản kinh phí xác định có thể dùng để đầu tư một số công trình trọng điểm, công trình quan trọng đối với an ninh - quốc phòng, giảm áp lực cho ngân sách.

Bộ GTVT đã lựa chọn Cảng Hàng không quốc tế để triển khai thí điểm hình thức nhượng quyền sân bay. Trước mắt, sẽ thí điểm nhượng quyền cho nhà đầu tư trong nước và việc lựa chọn nhà đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công bằng, minh bạch.

Hiện nay, ACV- đơn vị 100% vốn nhà nước được giao quản lý, khai thác toàn bộ hệ thống 22

CHK, sân bay (trong đó có 21 CHK, sân bay đang có hoạt động khai thác) với tổng công suất thiết kế tính đến hết năm 2014 là 56 triệu lượt hành khách và tính đến hết tháng 3/2015 là 58 triệu lượt hành khách. Theo kế hoạch, đến năm 2030, ngành hàng không phải tiếp tục đầu tư xây dựng CHK quốc tế Long Thành, CHK Vân Đồn, mở rộng CHK quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các CHK nội địa. Dự báo đến năm 2020, tổng thị trường hành khách thông qua CHK, sân bay sẽ đạt 106 triệu và đến năm 2030 đạt trên 200 triệu lượt hành khách.

Tại Hội thảo "Xã hội hóa hoạt động quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay ở Việt Nam", liên quan tới thực trạng và nhu cầu xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng CHK, sân bay, ông Lại Xuân Thanh, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam cho biết, trong giai đoạn 2001-2014, ngành hàng không đã thực hiện việc đầu tư xây dựng trên tất cả các lĩnh vực kết cấu hạ tầng CHK, sân bay, bảo đảm hoạt động bay, đầu tư đội tàu bay cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên, phần vốn đầu tư từ NSNN và TPCP chỉ chiếm 5% tổng vốn đầu tư toàn ngành, còn lại 95% là nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách; nguồn vốn tư nhân chỉ chiếm 4%.

Ông Thanh cho hay, giai đoạn 2015-2020, tổng nhu cầu vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng hàng không là 230.215 tỷ đồng. Trong khi nguồn vốn từ NSNN rất khó khăn, quỹ đầu tư của các doanh nghiệp cũng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu thực tế, vì vậy để

khai thác được các nguồn vốn đầu tư khác trong xã hội thì việc xã hội hóa đầu tư và khai thác để kêu gọi các nguồn vốn khu vực tư nhân (trong và ngoài nước) là một nhu cầu cấp thiết.

Chuyên gia kinh tế Võ Trí Thành, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương nhận định, việc xã hội hóa hoạt động quản lý, khai thác CHK, sân bay ở Việt Nam mà thực chất là tư nhân hóa, cổ phần hóa không phải là câu chuyện mới trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Ông Thành cho rằng, đây là việc rất cần thiết để bổ sung nguồn lực, chia sẻ rủi ro, tăng hiệu quả hoạt động bởi sở hữu tư nhân thường hiệu quả hơn sở hữu nhà nước vì quyền lực và lợi ích là một và không có xung đột lợi ích.

Theo ông Thành, sở hữu tư nhân là một điều kiện cần giúp đầu tư và/hoặc quản lý dự án hiệu quả hơn, song chưa đủ, do đó rất cần phải đảm bảo cạnh tranh, hạn chế và tránh độc quyền bởi chỉ có cạnh tranh và chịu áp lực cạnh tranh thì lợi ích của người tiêu dùng mới được đảm bảo tốt nhất và nguồn lực được phân bổ hiệu quả nhất; có cạnh tranh mới chọn được đối tác tốt, nhà đầu tư tốt và doanh nghiệp tốt.

Đến thời điểm hiện nay, hành lang pháp lý cho việc xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng CHK, sân bay cơ bản đã được quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, một số cơ chế để thực hiện cần tiếp tục được hoàn thiện, đảm bảo thu hút được nhà đầu tư, hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng. ■

Làm thế nào để tận dụng quyền bảo hộ trong tự do hóa thương mại?

 **THÙY LÊ**

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã ký kết được 9 Hiệp định Thương mại tự do (FTA) và đang đàm phán một loạt các FTA thế hệ mới quan trọng, như: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam – EU, Việt Nam và khối EFTA... FTA đang mở ra nhiều cơ hội mới cho các ngành kinh tế; đặc biệt là cơ hội xuất khẩu với thuế quan ưu đãi và thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, bên cạnh việc mở ra các lợi ích từ tự do thương mại, các FTA cũng sẽ hạn chế, thậm chí là cấm Chính phủ được thực hiện các chính sách nhất định để hỗ trợ các ngành sản xuất trong nước phát triển. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới các ngành kinh tế. Duy trì một không gian chính sách hợp lý, không vi phạm nguyên tắc của FTA là thách thức không nhỏ cho các nhà hoạch định trong bối cảnh đất nước hội nhập ngày càng sâu như hiện nay.

Càng hội nhập, không gian chính sách hỗ trợ càng hẹp...

Các FTA được coi là công cụ hữu hiệu nhằm tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, thúc đẩy xuất khẩu. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Anh Dương, Chuyên gia của Viện Quản lý kinh tế Trung ương chia sẻ: “FTA là cuộc chơi có đi có lại, ta mong mở thị trường thì họ cũng đến tìm thị trường để mở rộng kinh doanh”. Bên cạnh đó, cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng, không gian chính sách hỗ trợ chắc chắn sẽ dần bị giới hạn bởi cam kết của chúng ta với đối tác bên ngoài. Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Giám đốc Trung tâm WTO (VCCI) cho biết, nếu không có các cam kết, chúng ta

hoàn toàn có thể can thiệp vào mọi lĩnh vực nhằm bảo vệ sản xuất trong nước. Tuy nhiên, khi đã cam kết, Chính phủ chỉ được phép hành động trong một khuôn khổ nhất định.

Sau khi gia nhập WTO chúng ta có nhiều biện pháp không được sử dụng, chẳng hạn ưu đãi đầu tư. Về mặt trợ cấp, việc sử dụng các trợ cấp tính bằng tiền đã bị co hẹp. Đến khi 9 FTA được ký kết, không gian chính sách liên quan đến công cụ bảo hộ các ngành sản xuất nội địa bằng thuế quan tiếp tục bị hạn chế, chỉ còn hiệu quả ở một số ngành đặc biệt. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành kinh tế, đặc biệt là những ngành đang nhận được nhiều sự ưu ái từ

phía Nhà nước như thép, mía đường, thủy sản...

Ngành thép là một trong những đơn vị tiêu biểu nhận sự bảo hộ lớn của Nhà nước bởi đây là ngành cung ứng vật tư chiến lược cho các ngành công nghiệp, xây dựng, quốc phòng và có tác động tích cực không nhỏ tới vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động. Phó Chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam Nguyễn Văn Sura cho biết, có rất nhiều chính sách hỗ trợ ngành thép được ban hành như áp dụng các loại thuế nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại hay hàng rào kỹ thuật giúp ngăn chặn hiệu quả làn sóng xâm nhập ồ ạt của các mặt hàng thép giá rẻ từ nước ngoài, tạo điều kiện cho doanh



ngành trong nước giữ vững thị trường. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cho rằng, ngành thép đang phải đối diện thực tế là năng lực yếu, công nghệ lạc hậu, thiếu hụt những sản phẩm trọng điểm, không sản xuất được các chủng loại thép chất lượng cao. Như vậy, khi không gian chính sách hỗ trợ cho các ngành kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng bị thu hẹp, khả năng thua trên sân nhà của thép Việt Nam là hoàn toàn có thể.

Tận dụng những khoảng trống cho chính sách hỗ trợ

Có thể khẳng định ngay rằng, càng tự do hóa thì các biện pháp bảo hộ phải giảm đi. Trên thực tế, nước nào cũng có những biện

pháp hỗ trợ cho những ngành nhất định của họ. Đàm phán TPP vất vả, khó khăn và sắp đạt đến mức kỷ lục về thời gian chính là bởi các nước trong quá trình đàm phán đều nỗ lực giữ lại những biện pháp phòng vệ cho mình. Nhật Bản luôn muốn trợ cấp bảo hộ cho nông sản của họ; Hoa Kỳ trong đàm phán với Việt Nam liên quan đến giấy dếp gấp rất nhiều khó khăn bởi họ muốn bảo hộ ngành sản xuất giấy dếp của họ bằng thuế quan... Chính những điều này cho thấy, trong tự do hóa thương mại vẫn có những không gian, mục tiêu nhất định trong việc giữ lại những biện pháp hỗ trợ cho các ngành sản xuất trong nước phát triển được.

Vậy, làm thế nào để có thể duy trì không gian chính sách hợp lý cho các ngành trong bối cảnh mới mà không vi phạm các cam kết đã ký? Bà Nguyễn Thị Thu Trang nhận định, ngoài các biện pháp thuế quan và phi thuế quan, vẫn còn nhiều khoảng trống cho chính sách. Chúng ta có thể bảo vệ sản xuất nội địa bằng các hàng rào kỹ thuật, biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, miễn là quy trình thiết lập phải công khai, có tham vấn và phù hợp các nguyên tắc của WTO. Ngoài ra, vẫn còn các trợ cấp hoàn toàn chính đáng liên quan đến nông nghiệp, đào tạo lao động, nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ... Chúng ta cũng có thể sử dụng



các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ; hỗ trợ tín dụng cho sản xuất hàng công nghiệp hoặc áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử về đầu tư để tạo ưu thế cho doanh nghiệp sản xuất nội địa như yêu cầu đầu tư nước ngoài có tỷ lệ xuất khẩu tối thiểu, các điều kiện riêng về quản trị, nhân sự cao cấp... Như vậy, về cơ bản, không gian chính sách hỗ trợ vẫn còn. Quan trọng là, trong không gian càng ngày càng hẹp, chính sách cần phải “tinh” hơn.

Ông Nguyễn Anh Dương, Chuyên gia của Viện Quản lý kinh tế Trung ương cũng đưa ra một số gợi ý, trước hết, trong đàm phán cần đưa ra cam kết mở cửa phù hợp với thời gian tối thiểu để phát triển năng lực sản xuất trong nước. Chúng ta cũng có thể tận dụng việc Việt Nam còn là nước có thu nhập trung bình thấp để đàm phán, nhằm có được những ưu đãi đặc biệt, giữ được đủ thời gian để các ngành sản xuất trong nước kịp thích nghi và đứng vững. Ngoài ra, việc hoạch định không gian chính sách cũng không nên chỉ bó gọn trong những ngành ưu tiên mà phải tính đến những ngành thượng nguồn và hạ nguồn, như với mía đường thì phải có cả chính sách hỗ trợ nguồn nhiên liệu lẫn xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ...

Muốn được hỗ trợ, doanh nghiệp phải lên tiếng

Nhìn lại thực tế trong nước, chỉ với không gian chính sách như hiện tại, chưa nói tới những Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới sắp tới, thì hệ thống chính sách hỗ trợ cho các ngành

cũng không nhiều và tác dụng còn hạn chế. Ý kiến chung của nhiều chuyên gia cũng đều cho rằng, ở Việt Nam hiện nay, các chính sách hỗ trợ các ngành chưa đạt được nhiều hiệu quả.

Theo bà Đinh Thị Mỹ Loan, Chủ tịch Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam, hiện nay, chúng ta có nhiều chính sách khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư nhưng chưa có chính sách khuyến thương. Điều này nói lên rằng, ngành bán lẻ Việt Nam chưa được hỗ trợ tương xứng với vai trò và vị trí trong nền kinh tế. Đó là một trong những nguyên nhân khiến cho hàng nông sản rơi vào tình trạng được mùa rớt giá, không bán được hàng khiến cho không ít doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản. Cùng chung khó khăn về các chính sách hỗ trợ phát triển, các ngành chế biến, xuất khẩu thủy sản, chăn nuôi gia cầm, giầy da... cũng đang phải đối đầu với hàng loạt thách thức từ hội nhập quốc tế. Để giải quyết vấn đề này, đại diện Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam cho rằng, cần rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ các tỉnh/thành phố và thông báo công khai cho cộng đồng doanh nghiệp. Cùng với đó, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các doanh nghiệp phân phối, bán lẻ hoạt động tại địa bàn nông thôn. Ông Nguyễn Hoài Nam, Phó Tổng thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam cũng đưa ra nhận định, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhiều chính sách hỗ trợ các ngành sản xuất cần thay đổi để phù hợp hơn với hoàn cảnh của Việt Nam và

các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Điều quan trọng là các chính sách phải tránh tình trạng gây tác dụng ngược, không những không nâng cao được năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp mà còn kéo dài hơn nữa tình trạng được mùa mất giá muôn thừa của ngành nông nghiệp nước ta.

Nhiều chuyên gia đã đưa ra một số khuyến cáo đối với doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam đang và sẽ ký kết thêm các FTA đó là, doanh nghiệp phải quan tâm đến vấn đề pháp lý, quy định của các nước đối tác có quan hệ xuất nhập khẩu với mình, nhất là về xuất xứ hàng hóa để chứng minh sự nghiêm túc cũng như quyền được hưởng thuế suất thấp hoặc miễn thuế; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất và các doanh nghiệp xuất khẩu cũng như chú trọng việc hỗ trợ thông tin thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần nhanh chóng thiết lập bộ phận chuyên trách về pháp lý, sẵn sàng nghiên cứu và có biện pháp đối phó với các vụ kiện và tranh chấp thương mại quốc tế. Đặc biệt, Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Giám đốc Trung tâm WTO cho rằng, doanh nghiệp cần lên tiếng để được nhận những chính sách hỗ trợ cụ thể và nắm được những bất lợi mà Nhà nước không thể can thiệp khi đã tham gia ký kết FTA. “Chưa nói đến các biện pháp hỗ trợ chỉ có trên danh nghĩa, đôi khi Nhà nước không đặt ra điều kiện kinh doanh vô lý, không làm khó doanh nghiệp... cũng đã là hỗ trợ rồi”. Bởi vậy, vấn đề ở đây chính là tinh thần tích cực và chủ động của các doanh nghiệp. ■



TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Kết quả thực hiện tái cơ cấu DNNN thời gian qua và các giải pháp đẩy mạnh trong năm 2015



ĐẶNG QUYẾT TIẾN

Phó Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”. Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cũng phải thực hiện tái cơ cấu (TCC) toàn diện trên các lĩnh vực như: chiến lược kinh doanh; sản phẩm, ngành nghề kinh doanh; tài chính, mô hình tổ chức, lao động, quản trị doanh nghiệp...

Kết quả thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN

Về thực hiện TCC DNNN

Về tiến độ phê duyệt Đề án TCC của 108 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, tính đến hết quý I/2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án TCC của 20/20 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thuộc thẩm quyền. Các Bộ, địa phương phê duyệt đề án TCC của tổng công ty nhà nước trực thuộc.

Trên cơ sở Đề án TCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị đã và đang triển khai phương án sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý điều

hành, đẩy mạnh việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị thành viên, đi đôi với việc TCC lao động, triển khai nghiên cứu, bổ sung các chính sách và mô hình quản trị hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển của DN sau TCC.

Về kết quả cổ phần hóa (CPH) DNNN

Về sắp xếp, CPH DNNN, tính đến hết quý I/2015 cả nước đã thực hiện sắp xếp được 6.980 DN, trong đó CPH 4.237 DN.

Giai đoạn 2011-2013, cả nước đã thực hiện sắp xếp được 180 DN, trong đó CPH 99 DN và sắp xếp theo các hình thức khác 81 DN.

Giai đoạn 2014-2015, theo kế hoạch đã được



duyet thì cả nước sẽ thực hiện CPH 432 DN. Trong năm 2014, cả nước đã thực hiện sắp xếp được 167 DN, tăng gấp 1,65 lần năm 2013; trong đó CPH 143 DN, tăng gấp gần 2 lần năm 2013. Trong quý I/2015, cả nước CPH 29 DN (trong đó có 3 tổng công ty nhà nước và 26 DN). Còn lại 260 DN thì có 62 DN đã công bố giá trị DN, 198 DN đang xác định giá trị DN.

Về kết quả thoái vốn

Tính từ thời điểm Quốc hội ban hành Nghị quyết số 21/2011/QH13 ngày 26/11/2011, tổng giá trị đầu tư vào 5 lĩnh vực nhạy cảm (bao gồm bất động sản, chứng khoán, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm và Quỹ đầu tư) mà các tập đoàn, tổng công ty cần phải thoái là 23.325 tỷ đồng. Tình hình thoái vốn/đầu tư thêm vào 5 lĩnh vực nhạy cảm cụ thể như sau:

- Năm 2012: Thoái được 348 tỷ đồng, thu được 356 tỷ đồng.

- Năm 2013: Thoái được 874 tỷ đồng, thu được 745 tỷ đồng.

- Năm 2014: Thoái được 4.184 tỷ đồng, thu được 4.292 tỷ đồng; đồng thời giảm 74 tỷ đồng do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam so với sổ sách kế toán khi CPH và giảm 38 tỷ đồng giá trị phải thoái tại lĩnh vực tài chính - ngân hàng theo kế hoạch đến năm 2015 sau khi rà soát của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

- Quý I/2015: Thoái được 2.807 tỷ đồng, thu được 3.206 tỷ đồng.

Như vậy, số vốn đã thoái tính đến quý I/2015 là 8.213 tỷ đồng và số thu về là 8.599 tỷ đồng. Giá trị các khoản đầu tư tăng thêm trong giai đoạn 2011-2014 là 4.517 tỷ đồng do các đơn vị ghi nhận cổ tức được chia bằng cổ phiếu, DN hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài DN tương ứng với số tiền cổ tức được chia theo quy định pháp luật. Số còn phải thoái trong 9 tháng cuối năm 2015 là 19.517 tỷ đồng.

Đánh giá chung về kết quả

thực hiện TCC, CPH DNNN và thoái vốn

Về cơ bản, thời gian qua, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN đã tích cực triển khai Đề án TCC theo tinh thần Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các cơ chế, chính sách về TCC, sắp xếp, CPH DNNN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi cho các DN thực hiện. Trên cơ sở các đề án đã được phê duyệt, các tập đoàn, tổng công ty đã tiến hành rà soát, phân loại, xác định danh mục ngành nghề, phạm vi kinh doanh chính, ngành nghề có liên quan và xây dựng kế hoạch CPH; một số tập đoàn và tổng công ty đã xây dựng, ban hành mới hoặc hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành nhằm tinh giản biên chế, nâng cao khả năng cạnh tranh của DN.

Tuy nhiên, quá trình TCC, CPH DNNN vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc cần nghiên cứu, khắc phục như: tiến độ CPH DNNN giai đoạn 2011-2012 còn chậm (năm 2011 CPH 12 DN, năm 2012 CPH 13 DN) nhưng đến năm 2013 và năm 2014 tiến độ CPH đã nhanh hơn (năm 2013 CPH 74 DN, năm 2014 CPH 143 DN); một số khoản đầu tư ngoài ngành có hiệu quả thấp, thua lỗ, không bảo toàn được giá trị đầu tư ban đầu...

Về tiến độ thoái vốn, trong giai đoạn 2011-2013 các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thực hiện còn hạn chế, nhiều đơn vị chưa thực hiện được



hoặc thực hiện chưa có hiệu quả công tác thoái vốn do vướng mắc trong cơ chế thực hiện. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 6/3/2014 về một số giải pháp đẩy mạnh CPH, thoái vốn nhà nước tại DN, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn của DNNN, tạo điều kiện cho các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện thoái vốn theo phương án đã được phê duyệt. Theo đó, tiến độ và kết quả thoái vốn trong năm 2014 và quý I/2015 đã có chuyển biến rõ rệt.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, vướng mắc trên là do:

Một là, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới cũng như những khó khăn của nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến thị trường tài chính, chứng khoán và kế hoạch bán cổ phần ra công chúng của các DN CPH cũng như thoái vốn đầu tư.

Hai là, một số Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa chỉ đạo quyết liệt và tích cực tổ chức triển khai phương án sắp xếp, CPH và thoái vốn.

Ba là, nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành và các DN về chủ trương TCC tuy đã có chuyển biến nhưng chưa hiểu đúng ý nghĩa quan trọng của việc TCC DN đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, đối tượng sắp xếp, CPH hiện nay hầu hết là các DN có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành nghề, tài chính phức tạp nên cần có nhiều thời gian chuẩn bị, xử lý. Mặt khác, việc thực hiện CPH, TCC và thoái vốn nhà nước đối với các DN có quy mô vốn lớn cần sự tham gia của nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

Năm là, trong những tháng cuối năm 2014, đầu năm 2015, các DN tập trung hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo tài chính năm 2014, do vậy phần nào ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện kế hoạch CPH và thoái vốn.

Các giải pháp đẩy mạnh TCC, CPH DNNN năm 2015

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, kết luận của Đảng và Quốc hội về sắp xếp,

đổi mới DNNN; đồng thời tập trung chỉ đạo triển khai cơ chế, chính sách và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về TCC, CPH DNNN và thoái vốn nhà nước.

Thứ hai, căn cứ tiêu chí, danh mục phân loại DNNN ban hành tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục rà soát, bổ sung DN cần CPH, thoái vốn nhà nước và lộ trình triển khai trong giai đoạn tới. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về đổi mới quản lý và TCC DNNN giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong xác định giá trị DN và thoái vốn nhà nước; triển khai thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Thứ tư, chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành CPH 289 DN trong năm 2015 và thoái vốn đầu tư ngoài ngành chặt chẽ, có hiệu quả. Xây dựng phương án tổng thể sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thực hiện.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả và tiến độ thực hiện đề án TCC DN.

Thứ sáu, thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn tại một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước, DN lớn đã CPH đang có vốn nhà nước về SCIC theo quy định.

Thứ bảy, thực hiện các giải pháp tái cấu trúc thị trường chứng khoán theo tinh thần Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 6/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó hỗ trợ thu hút và khuyến khích nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của DN.

Thứ tám, thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình triển khai CPH DNNN; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

Thứ chín, đẩy mạnh truyền thông và công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát trong TCC DN cùng với thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được giao. Coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần khẩn trương và kiên quyết hoàn thành.■

10 lý do để Việt Nam cần phải thực hiện tái cơ cấu DNNN



KHUƠNG TIẾN HÙNG

Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VI

Từ thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cũng như trong tương quan so sánh với các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay cho thấy tái cơ cấu DNNN là tất yếu và là nhiệm vụ cấp bách hiện nay:

Một là, quy mô tổng thể quá lớn:

Tính đến cuối năm 2010, có hơn 6.000 DNNN chuyển đổi nhưng vẫn còn khoảng 1.300 DNNN. Đây là con số quá lớn nếu so với số lượng DNNN của các quốc gia thành viên OECD (10 – 120 DNNN) và Ấn Độ: 240 DNNN. Xét theo lý thuyết, khu vực DNNN trong nền kinh tế thị trường không cần có tỷ trọng cao mà chỉ cần chiếm giữ những vị trí đúng như vai trò của nó phải có. Theo nhiều nghiên cứu, tỷ trọng DNNN được coi là quá lớn khi vượt quá giới hạn 20 – 25% GDP và quá nhỏ khi ở mức dưới 5% GDP. Trên thực tế tỷ trọng DNNN ở các nước công nghiệp phát triển đạt mức trung bình dưới 10%, còn ở các nước đang phát triển tỷ lệ này có cao hơn nhưng cũng chỉ ở mức trung bình trên 10%, trong đó cao nhất là các nước Châu Phi (14%), Mỹ La tinh (10%), Châu Á (9%). Ở các nước chuyển đổi, mục tiêu của các chương trình tư nhân hóa đều hướng đến một tỷ trọng

DNNN hợp lý ở mức khá thấp. Ở Trung Quốc, tỷ trọng của DNNN trong GDP dao động ở mức 15%.

Hai là, cơ cấu bất hợp lý:

Hiện cơ cấu khu vực DNNN còn bất hợp lý về ngành, quy mô. Trước hết, tỷ trọng của DNNN ở khu vực nông nghiệp 25%, thương mại và dịch vụ 40%, trong khi công nghiệp đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo còn nhỏ. Cơ cấu phân cấp quản lý cũng bất hợp lý ở chỗ tỷ trọng DNNN thuộc địa phương quản lý còn quá cao. Về quy mô, số doanh nghiệp có quy mô dưới 10 tỉ đồng vẫn còn nhiều, trong đó đa số là doanh nghiệp địa phương. Tình trạng manh mún, chồng chéo, trùng lặp của các DNNN trên cùng một địa bàn mang tính phổ biến dẫn đến đầu tư của Nhà nước bị dàn trải, cạnh tranh không lành mạnh giữa các DNNN, thậm chí giữa các đơn vị của cùng một Tổng công ty gây lãng phí nguồn lực.

Ba là, đầu tư dàn trải, kém năng động, năng lực cạnh tranh thấp:

Thời gian qua, rất nhiều DNNN tập trung đầu tư theo diện rộng, thậm chí cả lĩnh vực không phải thế mạnh của mình, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh kém. Tình trạng đó

đã để lại hệ quả rất xấu cho nền kinh tế.

Chiếm đến 70% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư nhà nước, 60% tín dụng của các ngân hàng thương mại, 70% nguồn vốn ODA nhưng theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, DNNN chỉ đóng góp khoảng 37%-38% GDP. Do được hưởng quá nhiều đặc quyền nên không ít DNNN đã ỷ lại Nhà nước, thiếu chủ động trong kinh doanh, triệt tiêu động lực phát triển; Kém khả năng cạnh tranh ngay cả ở thị trường trong nước.

Tính đến giữa năm 2011, các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước đã đầu tư 19.500 tỷ đồng ra ngoài ngành. Đáng lo ngại là số tiền này đã được đầu tư vào nhiều lĩnh vực có độ rủi ro cao như: chứng khoán, ngân hàng, BĐS, bảo hiểm... làm phân tán nguồn lực cả về vốn và nhân lực, gây rủi ro lớn.

Kết quả điều tra tại 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam mới đây do UNDP thực hiện cho thấy, nhiều công ty trong “Top 200” của Việt Nam đã đầu tư ngoài ngành và thiếu tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Đơn cử như EVN đầu tư sang cả viễn thông; trong khi nhiệm vụ kinh doanh chính lại thua lỗ... Sự đầu tư chệch hướng, tràn lan là nguy cơ mất



đi khả năng cạnh tranh và định hướng dẫn dắt thị trường của DNNN.

Sự tồn tại của mô hình DNNN hiện nay làm nảy sinh mâu thuẫn cơ bản trong chính sách kinh tế của Việt Nam đó là sự bất bình đẳng. Khu vực dân doanh trong nước và đầu tư nước ngoài là hai khu vực năng động nhất lại chưa được hỗ trợ phát triển đúng mức; trong khi đó, khu vực kinh tế nhà nước kém năng động lại luôn nhận được những khoản ưu đãi lớn; điều này không thể để tồn tại lâu dài...

Bốn là, trình độ kỹ thuật, công nghệ lạc hậu: Phần lớn các DNNN được trang bị máy móc thiết bị từ nhiều nguồn khác nhau, có cả những thiết bị lạc hậu được sản xuất từ những năm 50, 60 thế kỷ XX. Theo ước tính, có đến 80% thiết bị, công nghệ của DNNN lạc hậu so với các nước tiên tiến vài ba chục năm, trong khi tốc độ đổi mới công nghệ chỉ ở mức 10%. Đầu tư cho công nghệ cao, hiện đại cũng không được quan tâm thích đáng. Như vậy, DNNN khó có thể thực hiện được vai trò làm gương về năng suất, chất lượng, làm đầu tàu về khoa học, công nghệ trong điều kiện cạnh tranh hiện nay và tương lai.

Năm là, tình trạng thiếu vốn kinh doanh mang tính phổ biến: DNNN được coi là khu vực có vai trò to lớn, nhưng trên thực tế, 60% DNNN không đủ vốn điều lệ theo quy định. Nhiều DNNN chưa đủ vốn lưu động cho nhu cầu hoạt động kinh doanh nên rất bị động trong sản



xuất, hiệu quả kinh doanh giảm do phải trả lãi vay ngân hàng quá nhiều, khả năng trích lợi nhuận để lập quỹ phát triển sản xuất còn rất ít. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2009, trung bình mỗi doanh nghiệp Việt Nam có quy mô 40 lao động và 31.319,3 triệu đồng vốn. Trong đó, các DNNN trung bình có 514 lao động và 790.032,4 triệu đồng; doanh nghiệp FDI trung bình có 325 lao động và 343.736,2 triệu đồng vốn và doanh nghiệp ngoài Nhà nước chỉ có 24 lao động và 13.860,2 triệu đồng.

Sáu là, tình trạng đầu tư ra ngoài ngành của các DNNN:

Trong nền kinh tế hiện đại, đa dạng hóa đầu tư đã, đang và sẽ tiếp tục trở thành xu hướng phát triển ngày càng đậm nét của các tập đoàn kinh tế ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trên thực tế, rất nhiều tập đoàn kinh tế Việt Nam đã thực hiện việc đầu tư ra ngoài ngành. Ví dụ như: VNPT ngoài các sản phẩm, dịch vụ liên quan tới viễn

thông và công nghệ thông tin, còn mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ quảng cáo, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; EVN ngoài lĩnh vực hoạt động truyền thống là sản xuất kinh doanh điện năng, viễn thông công cộng và cơ khí điện lực, còn mở rộng đầu tư sang lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực tài chính – ngân hàng, viễn thông; VRG cũng mở rộng kinh doanh sang các ngành cơ khí, quản lý khai thác cảng biển, vận tải, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch nội địa, quốc tế.

Khi doanh nghiệp đầu tư đa ngành, đa nghề ít nhiều bản thân doanh nghiệp đánh mất đi lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh của mình, dễ mắc những sai lầm do sự phân tán các nguồn lực và thiếu kinh nghiệm của bộ máy quản lý. Bên cạnh đó, việc kiểm soát vốn vào hoạt động đa lĩnh vực là rất phức tạp, nếu làm không tốt sẽ gây thất thoát, lãng phí và khả năng đổ vỡ tài chính. Đặc biệt, cần thấy rằng, với khả

năng tài chính có hạn của mình, việc đầu tư vốn dần trải sẽ buộc doanh nghiệp phải tìm đến nguồn vốn mới với những điều khoản thương mại ngặt nghèo, dễ đưa họ sa vào chiếc bẫy nợ hoặc sự lãng phí nguồn vốn NSNN và tín dụng đầu tư các cấp.

Bấy là, sức cạnh tranh của DNNN trên thị trường thế giới khá thấp, thể hiện qua khả năng có thể tiêu thụ trực tiếp hàng hóa xuất khẩu tại thị trường nước ngoài. Những lĩnh vực xuất khẩu mạnh của DNNN như hàng điện tử, may mặc, nông sản, chủ yếu phải thực hiện qua trung gian tiêu thụ ở nước ngoài hoặc làm hàng gia công. Mức độ tham gia của DNNN vào chuỗi giá trị của hàng xuất khẩu rất thấp. Điều này tiềm ẩn nguy cơ mất thị trường tiêu thụ khi cầu trên thị trường thế giới suy giảm.

Tám là, còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện vai trò điều tiết kinh tế vĩ mô, yếu kém trong vai trò dẫn hướng, mở đường cho khu vực doanh nghiệp khác phát triển, mờ nhạt trong vai trò thúc đẩy tăng trưởng, chỉ phối hoạt động kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Theo thống kê, trong số 1.309 DNNN đang hoạt động có 248 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, 135 doanh nghiệp giao thông vận tải, 341 doanh nghiệp nông, lâm, nghiệp, thủy lợi, thủy nông và 471 doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch. Như vậy vẫn còn nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề mà Nhà nước không cần chi phối như: thương mại, dịch vụ xây dựng, dịch vụ,...; Một số lĩnh vực quan

trọng do DNNN giữ thị phần lớn, nhưng lại chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế như điện lực, hàng không...; Một số ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia, nhưng DNNN vẫn giữ vị thế độc quyền (Tổng công ty Thép Việt Nam chiếm 35% thị phần trong nước, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chiếm 50%, Tổng công ty Xăng dầu chiếm trên 60%, Tập đoàn công nghiệp Than chiếm 98% thị phần cả nước,...). Trong khi đó, một số lĩnh vực mà kinh tế tư nhân chưa làm, không muốn làm, hoặc làm không hiệu quả thì DNNN lại chưa đảm nhận trách nhiệm đó.

Chín là, cơ chế quản lý, lề lối làm việc, tính công khai minh bạch chuyển biến chậm: Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chú ý đến việc tuân thủ chế độ quản lý, báo cáo tài chính; chưa cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin về hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp, thậm chí có trường hợp còn báo cáo thiếu trung thực làm ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, quản lý, và giám sát của Nhà nước.

Mười là, quản trị DNNN còn nhiều hạn chế, bất cập, chậm đổi mới, chưa phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; tư duy quản lý doanh nghiệp theo thói quen và lối mòn kinh nghiệm là phổ biến do các nhà quản trị thiếu hụt kiến thức về kinh tế thị trường và quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Hệ thống văn bản nội bộ quyết định trực tiếp đến quá trình quản trị doanh nghiệp như: Điều

lệ công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế phân cấp hoạt động, Quy chế bổ nhiệm các chức danh quản lý, Quy chế đầu tư,... chưa được thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện để thích ứng với chiến lược kinh doanh dài hạn của doanh nghiệp cũng như môi trường kinh doanh đầy biến động như hiện nay.

Có những doanh nghiệp khi điều hành lại không căn cứ vào các quy chế đã ban hành, thậm chí không quan tâm đến việc ban hành các quy chế này. Nhiều tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thực hiện đầu tư dàn trải theo hướng đa ngành, đa nghề, kể cả những ngành có độ rủi ro cao, xa rời nghề kinh doanh chính, dẫn đến tình trạng thiếu sự gắn kết về sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho nền kinh tế, hoạt động xa rời thế mạnh truyền thống và không tương xứng với khả năng huy động nguồn lực và năng lực quản lý.

Việc thoái vốn nhà nước ở các doanh nghiệp cổ phần hoá diễn ra còn chậm, việc cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần chủ yếu vẫn là cán bộ cũ tại các doanh nghiệp.

Trước thực tế đó, tái cơ cấu lại các DNNN là tất yếu và là nhiệm vụ cấp bách nhằm thay đổi tích cực, thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả, tăng sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng diễn ra sâu, rộng như hiện nay và được xác định là giải pháp tổng thể quan trọng nhằm khắc phục những yếu kém còn tồn tại cũng như tăng cường tính hiệu quả, tính cạnh tranh trong hoạt động của DNNN. ■



Cổ phần hóa DNNN - vấn đề vướng mắc và một số khuyến nghị



TS. TRẦN TIẾN CƯỜNG

**Nguyên Trưởng ban Cải cách đổi mới DNNN,
Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương**

Vấn đề vướng mắc trong và sau quá trình cổ phần hóa

Các biện pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở Việt Nam - trước đây gọi là sắp xếp, đổi mới và từ năm 2012 có tên gọi mới là tái cơ cấu DNNN – đã được triển khai trong gần 30 năm qua. Trong đó cổ phần hoá (CPH) được coi là hướng đi chính, là biện pháp quan trọng, có ý nghĩa chi phối đối với quá trình cải cách DNNN. Mặc dù vậy, trong và sau quá trình CPH, chúng ta vẫn còn gặp một số vấn đề vướng mắc cần giải quyết:

Một là, thách thức về tiến độ, lộ trình CPH:

Việc thực hiện sắp xếp và CPH DNNN còn chậm. Ba năm 2011-2013 mới CPH được 99 DN. Kể cả số DN CPH năm 2014 (143 DN) thì tổng số 4 năm mới có 242 DN CPH, đạt quá nửa (56%) kế hoạch CPH giai đoạn 5 năm 2011-2015 theo Đề án tái cơ cấu DNNN của Quyết định 929/QĐ-TTg. Còn lại 289 DN, chiếm gần một nửa (44%) số DN phải hoàn thành CPH trong năm 2015. Ở đây nảy sinh thách thức kép: vừa phải hoàn thành tiến độ và kế hoạch CPH, vừa phải đảm bảo chất lượng CPH, trong đó nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng CPH là tạo ra động lực mới nhờ đổi mới quản trị doanh nghiệp (QTDN) và sự đột phá do có sự tham gia của nhân tố nhà đầu tư - cổ đông chiến lược.

Hai là, việc CPH các tập đoàn kinh tế (TĐKT) và tổng công ty (TCT) nhà nước phải đối diện với những vấn đề chung của các DN CPH và cả những vấn đề riêng của loại hình DN quy mô lớn.

Ba là, vấn đề quản trị DN sau CPH:

Mục tiêu CPH, ngoài việc đa dạng hoá sở hữu, giảm tính độc tôn của sở hữu nhà nước là chuyển DNNN thành DN cổ phần với cấu trúc quản trị hiện đại; đồng thời sau CPH tiếp tục cải thiện QTDN theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, trên thực tế

QTDN tại các DN chuyển từ DNNN thành công ty cổ phần nhìn chung chưa có nhiều chuyển biến, thay đổi rõ rệt.

Bốn là, vấn đề địa vị pháp lý và vị trí của DN có cổ phần chi phối của Nhà nước sau CPH:

Sau CPH các DNNN chuyển thành các DN đa sở hữu với 3 dạng hình: DN có cổ phần chi phối của Nhà nước (từ trên 50% trở lên), DN có cổ phần dưới mức chi phối của Nhà nước (từ 50% trở xuống), DN không còn cổ phần của Nhà nước. Với những DN có cổ phần chi phối của Nhà nước, vấn đề nổi lên là chưa có những quan tâm đúng mức về địa vị pháp lý cũng như chưa sử dụng đúng vị thế, vai trò của loại DN này. Trước đây, theo Luật DN năm 2005 (khoản 22, Điều 4) và Luật DNNN năm 2003 (Điều 1), đây là những DNNN. Còn theo Luật DN năm 2014 (Điều 4) đây không phải là DNNN; chỉ những doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mới được coi là DNNN.

Năm là, vấn đề thoái vốn nhà nước từ các DN sau CPH:

Thoái vốn nhà nước trước đây đã được triển khai tại các DN đã CPH, chủ yếu tại các DN quy mô nhỏ của các địa phương và của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Gần đây, việc thoái vốn nhà nước thực hiện tại cả các DN có 100% vốn nhà nước (DNNN) và DN có vốn nhà nước. Thực tế, có 2 loại thoái vốn nhà nước: thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo chủ trương tái cơ cấu DNNN, và thoái vốn nhà nước từ các DN đã CPH. Thoái vốn đầu tư ngoài ngành là giải pháp tái cơ cấu DNNN nhằm thu hẹp ngành, lĩnh vực đầu tư để giải quyết tình trạng đầu tư dàn trải nhằm tập trung đầu tư vào ngành, lĩnh vực kinh doanh chính. Đây là hoạt động tái cơ cấu DNNN. Thoái vốn nhà nước từ các DN đã CPH là giảm bớt tỷ lệ cổ phần nhà nước tại DN sau CPH. Đây là tiếp tục quá trình

CPH ở giai đoạn sau CPH, hay có thể gọi là CPH thứ cấp. Thực tế hiện nay ở nước ta chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa 2 loại thoái vốn này. Cụ thể là, chưa xác định rõ tính chất, mục tiêu, thẩm quyền quyết định đối với từng loại thoái vốn. Vẫn còn tình trạng đánh đồng giữa thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo chủ trương tái cơ cấu DNNN, và thoái vốn để tiếp tục CPH DN có vốn nhà nước ở giai đoạn sau CPH.

Sáu là, thiếu cổ đông chiến lược:

Vấn đề thường được đặt ra đối với DN CPH là khó tìm kiếm cổ đông chiến lược. Đó là những nhà đầu tư có khả năng lấp một số tồn tại của DNNN trước CPH như yếu kém năng lực quản trị, điều hành, hoặc đem lại những đột phá cho DN phát triển về công nghệ, thị trường, v.v.

Để quá trình CPH DNNN ở Việt Nam thành công...

Nhằm giải quyết những vướng mắc trên đây, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị:

Thứ nhất là, đổi mới nhận thức về CPH và tư

nhân hoá

Ngành, lĩnh vực quan trọng, DNNN quan trọng (bất kể đó là doanh nghiệp do Nhà nước giữ 100% vốn hay chi phối) đối với kinh tế nhà nước chỉ có tính thời gian, có tính giai đoạn. Khi có sự mở cửa, hội nhập, có sự cạnh tranh sòng phẳng và minh bạch giữa các khu vực kinh tế thì vai trò đó của kinh tế nhà nước, của DNNN buộc phải xem xét lại, có thể trở thành không quan trọng. Đối với những ngành, lĩnh vực hay những DNNN không quan trọng, trong bối cảnh Nghị quyết của Đảng (Đại hội X, XI) coi kinh tế tư nhân là động lực của nền kinh tế thì cần khẳng định đích cuối cùng của CPH DNNN là tư nhân hoá - tức mọi sở hữu đối với vốn và tài sản của doanh nghiệp đều thuộc về tư nhân.

Nhà nước có chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động ở giai đoạn bắt đầu CPH (sơ cấp), nhưng Nhà nước cũng cần chấp nhận thực tế là việc giữ lại hay bán đi cổ phần là quyền của người lao động. Ở giai đoạn sau CPH (thứ cấp) thì việc chuyển nhượng cổ phần hay thu tóm cổ phần là



thuộc quyền của các cổ đông, miễn là họ tuân thủ pháp luật và điều lệ, và không vi phạm các quy định về cạnh tranh và chống độc quyền.

Nguyên tắc quan trọng cần giữ là: trong từng giai đoạn, ở từng thời kỳ, một khi đã xác định được những ngành, lĩnh vực quan trọng, DNNN quan trọng (bất kể đó là doanh nghiệp do Nhà nước giữ 100% vốn hay chi phối) thì sự tăng hay giảm tỷ lệ vốn nhà nước (vượt lên thành các mức này hay xuống dưới các mức này), cần được xem xét cẩn trọng ở cấp cao nhất, mà theo kinh nghiệm của nhiều nước là thuộc quyền quyết định của Quốc hội.

Thứ hai là, không nên chạy theo tiến độ CPH bằng mọi giá.

Kế hoạch 2 năm 2014-2015 đưa ra phải CPH 432 DNNN. Năm 2014 đã CPH 143 DN. Số còn lại của năm 2015 là 289 DN, trong đó có khá nhiều TCT, kể cả TĐKT. Số DN CPH bình quân 1 năm giai đoạn 2011-2012, 2011-2013, 2011-2014 lần lượt là 12 DN, 33 DN, 60 DN. Trong khi số DN CPH năm 2015 là 289 DN, cao hơn rất nhiều so với bình quân năm ở các giai đoạn này. Trong bối cảnh kinh tế suy thoái và mới dần chuyển sang phục hồi thì kế hoạch CPH này là rất tham vọng cả về con số DN CPH và tiến độ thực hiện.

Có một số lý do để có thể xem xét lại kế hoạch và tiến độ CPH năm 2015. Một là, số lượng DN đưa vào kế hoạch CPH năm 2015 cao hơn rất nhiều so với trung bình hàng năm của giai đoạn 2011-2014 khi kinh tế suy thoái mạnh và chỉ mới bắt đầu phục hồi chậm. Nhìn từ số liệu DN CPH trong 3 năm 2011-2013 cho thấy kinh tế suy giảm sâu đã ảnh hưởng rất lớn đến cầu của nền kinh tế, từ đó có ảnh hưởng đến lượng cổ phần IPO hay bán ra được từ các DN CPH. Trong bối cảnh đó, việc CPH là không thật có lợi nhìn từ phía cung là DNNN và Nhà nước. Hai là, CPH trong bối cảnh tái cơ cấu đòi hỏi tiến hành tái cơ cấu DN trước – một giai đoạn cần thiết trước khi CPH. Cần dành thời gian cho tái cơ cấu DN thay vì chạy theo tiến độ, hoàn thành CPH ngay. Ba là, điều quan trọng đối với DN CPH không phải chỉ là hoàn thành CPH, đăng ký DN thành công ty cổ phần, mà chủ yếu ở việc cải thiện quản trị DN, hiện đại hoá DN để tăng sức cạnh tranh. Điều này cũng cần có nhiều thời gian hơn.

Thứ ba là, cần xây dựng luật về CPH DNNN.

Việc này lẽ ra phải tiến hành từ lâu, vì CPH DNNN là vấn đề lớn, làm thay đổi sở hữu nhà nước tại DNNN, thay đổi vị trí của kinh tế nhà nước trong phạm vi ngành và nền kinh tế.

Ở nước ta trong hơn 20 năm qua, CPH chỉ thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật (nghị định, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các thông tư của các bộ, ngành), chưa có đạo luật quy định khung hay quy định chi tiết về CPH DNNN. Trong khi đó, việc đầu tư, sử dụng vốn thành lập, tổ chức, quản lý DNNN hay DN có vốn nhà nước đã được quy định trong một số luật ban hành kể cả trước kia và gần đây. Cụ thể, việc đầu tư, sử dụng vốn nhà nước đã được chế định trong Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào SXKD tại DN (năm 2014); việc tổ chức, quản lý DN 100% vốn nhà nước - trong Luật DNNN (năm 1995, 2003), Luật DN (năm 1999, 2005, 2014); việc phá sản DNNN và DN có vốn nhà nước - trong Luật Phá sản (năm 1993, 2004). Nhưng ngược lại, việc CPH hay thoái vốn nhà nước – những hoạt động thoái đầu tư cần xử lý nhiều vấn đề, liên quan đến vốn, tài sản, cán bộ quản lý, người lao động..., đối diện với những rủi ro, thất thoát vốn, tài sản nhà nước, có thể ảnh hưởng đến khu vực kinh tế nhà nước, ngành, lĩnh vực chiến lược... lại chưa có luật quy định. Đây có thể coi là một nghịch lý. Vì vậy, việc ban hành luật về CPH DNNN là cần thiết để tạo nền tảng pháp lý cao hơn, vững chắc hơn cho CPH những DN quy mô lớn, các DN quan trọng, DN trong các ngành đặc thù liên quan đến đất đai như: nông lâm trường, an ninh, quốc phòng, và thực hiện thoái vốn nhà nước tại các DN.

Thứ tư là, thay đổi quan điểm và cách tiếp cận CPH trong tái cơ cấu DNNN.

Cách tiếp cận cơ cấu lại DNNN và CPH là chuyển mạnh sang áp dụng các biện pháp tái cấu trúc có tính thị trường nhưng cũng nên sử dụng quyền lực của chủ sở hữu một cách đúng đắn và minh triết. Đó là, thực hiện các biện pháp tạo lập, kích thích, nuôi dưỡng, phát triển những yếu tố thị trường trong loại bỏ hay tiếp tục duy trì DNNN. Đồng thời, tạo sức ép hành chính đối với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu không đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu, CPH.

Quan điểm về CPH không phải chỉ để chuyển DNNN thành công ty cổ phần, kết thúc ở đăng ký

là DN cổ phần, mà là một quá trình. CPH vẫn còn tiếp diễn sau CPH bao gồm cả thoái vốn nhà nước, cải thiện QTDN, hiện đại hoá công ty cổ phần. Dựa trên quan điểm phát triển DN, mục tiêu CPH là để thực hiện chế độ công ty ở DNNN sau CPH.

Thứ năm là, hướng dẫn cụ thể và triển khai thận trọng khi CPH các DNNN quy mô lớn.

Đối với các DNNN quy mô lớn như TĐKT, TCT hoạt động trong những ngành, lĩnh vực quan trọng, việc cổ phần hóa cần phải có sự lựa chọn và các bước đi phù hợp với điều kiện của đất nước cũng như định hướng phát triển kinh tế của Đảng. Việc CPH không thể thực hiện ồ ạt ngay từ thời điểm CPH mà phải được tiến hành theo nhiều giai đoạn phù hợp với kế hoạch và lộ trình giảm dần tỷ lệ vốn nhà nước. Hay nói cách khác, cần có những hướng dẫn cụ thể và các bước triển khai thận trọng khi CPH các DNNN quy mô lớn, tổng công ty hoạt động trong những ngành, lĩnh vực quan trọng.

Thứ sáu là, tìm kiếm, thu hút, lựa chọn cổ đông chiến lược.

Tiêu chí để chọn cổ đông chiến lược cần nhìn từ 2 phía: từ nhà đầu tư và từ DN CPH. Từ phía nhà đầu tư, đó là những nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, những nhà đầu tư thực sự quan tâm phát triển lâu dài đối với các DN này, họ có khả năng công nghệ, thị trường, có kinh nghiệm, đáp ứng những nhu cầu phát triển DN sau CPH. Từ phía DN CPH, quan điểm chung là việc tham gia của nhà đầu tư chiến lược vào DN sau CPH là cần, nhưng vấn đề cần xem xét là nhà đầu tư chiến lược cần ở đâu, ở những DN nào, khi nào. Không phải mọi DN sau CPH đều cần có và cần tìm nhà đầu tư chiến lược. Cổ đông chiến lược cần ở những DN và khi những DN đó có vấn đề về chiến lược, thị trường, công nghệ, cần cải thiện QTDN, cần tạo ra động lực mới và mạnh hơn cho sự phát triển.

Nhìn từ cách tiếp cận thúc đẩy tiến độ CPH, những DN đang hoạt động tốt, hoạt động có hiệu quả, nếu không tìm được ngay cổ đông chiến lược thì cứ tiến hành CPH, sau đó sẽ thoái vốn nhà nước tiếp hoặc phát hành thêm cổ phiếu để tìm nhà đầu tư chiến lược. CPH vẫn hơn không tiến hành CPH. Vì CPH là chuyển sang chế độ công ty (nhưng phải đi kèm với cải thiện QTDN theo thông lệ, theo hướng hiện đại sau CPH), tách bạch được DN với chủ sở hữu, chủ sở hữu đứng ngoài DN, tăng cường minh bạch, công khai và đi kèm tăng cường

giám sát. Khi đó DN được quản lý, điều hành bởi HĐQT độc lập hơn với các chủ sở hữu, thay vì cơ quan nhà nước thường xuyên can thiệp vào DN như trước CPH. Cũng vì vậy nên cần thúc đẩy CPH. Nếu không CPH, dù có chuyển sang Cty TNHH 1 thành viên theo Luật DN thay cho công ty nhà nước hoạt động theo Luật DNNN, thì vẫn không có được chế độ công ty, không có được các công ty hiện đại. Kinh nghiệm hơn 10 năm chuyển DNNN hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên (từ năm 2001) khi có Nghị định 63/2001/NĐ-CP về chuyển DNNN sang loại công ty này cho thấy điều đó.

Thứ bảy là, điều chỉnh lại cách thức thoái vốn đầu tư ngoài ngành.

Cần xem xét điều chỉnh lại cách thức thoái vốn đầu tư ngoài ngành hiện nay để thực hiện theo một số nguyên tắc sau:

Nhà nước chỉ nên đưa ra chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành và đưa ra một số nguyên tắc chung căn cứ vào đó để DN áp dụng. Nhà nước không nên quy định cụ thể tỷ lệ % thoái vốn vì như vậy là can thiệp sâu vào DN, trái với nguyên tắc thị trường và thể chế thị trường chúng ta đang xây dựng và hướng tới.

Nhà nước chỉ hành xử trên tư cách và với tâm thế của nhà đầu tư, cổ đông nhà nước, thực hiện quyền của nhà đầu tư, cổ đông nhà nước không phải với tư cách cơ quan quản lý nhà nước. Không nên chuyển tải ý chí Nhà nước bằng các quy định có tính quy phạm pháp luật có hiệu lực chung.

Thoái vốn đầu tư ngoài ngành cần căn cứ đặc điểm của từng DN: chủ yếu là hiệu quả đầu tư trong và ngoài ngành; tiềm lực tài chính DN; triển vọng ngành kinh doanh chính; sản phẩm ngành kinh doanh chính ở giai đoạn nào, nếu ở giai đoạn thoái trào thì cần xem lại chính sách thoái vốn ngoài ngành kinh doanh chính, để chuyển sang đầu tư ngành kinh doanh chính mới triển vọng hơn.

Đối với DN đang kinh doanh có hiệu quả ở cả ngành kinh doanh chính và ngoài ngành kinh doanh chính thì quyền quyết định thoái vốn đầu tư ngoài ngành cần trao cho bộ máy quản trị, điều hành của DN căn cứ theo tín hiệu thị trường.

Áp dụng những nguyên tắc trên cho cả DN CPH có vốn nhà nước chi phối thông qua quyền lực của cổ đông chi phối tại DN mà trực tiếp là người đại diện phần vốn tại DN.■



Xây dựng cơ chế giám sát việc sử dụng vốn đầu tư - một giải pháp tái cấu trúc tập đoàn và DNNN

 PGS.TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG - TS. LÊ HỒNG NHẬT

Thực tiễn khẳng định rằng, việc Nhà nước sẽ không tiếp tục rót vốn vào các dự án bị kéo dài, chậm tiến độ; cộng với chính sách giao quyền tự chủ phải gắn liền với chế độ tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu tại các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nói chung đã thúc đẩy quá trình tái cấu trúc DNNN theo hướng hiệu quả ở hầu hết các nước chuyển đổi, trong đó thành công nhất phải kể đến là Trung Quốc. Sự khác biệt về mức độ thành công là do khả năng giữ cam kết (commitment problem). Nếu DNNN tin rằng, Chính phủ sẽ thực hiện nghiêm chỉnh quy định đã nêu, thì hiệu quả sẽ ngay lập tức được cải thiện. Ngược lại, nếu DNNN lại nghĩ, Chính phủ vẫn sẵn sàng cứu vớt họ khi bị thua lỗ; và họ sẽ không bị quy kết trách nhiệm khi để xảy ra hậu quả nghiêm trọng, thì rất dễ có những động cơ trục lợi, rồi đổ vấy thất bại hay thua lỗ cho những yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài. Vì vậy, khả năng cam kết là yếu tố quyết định sự thành bại của cải cách. Khả năng đó phụ thuộc vào tính hiệu quả của cơ chế giám sát. Nhìn chung, Chính phủ có khả năng giữ cam kết cao ở những lĩnh vực giám sát được và sớm phát hiện ra những hành vi gây

hậu quả nghiêm trọng để từ đó ngăn chặn thì sẽ có lợi hơn. Ngược lại, Chính phủ sẽ khó giữ khả năng cam kết ở những lĩnh vực không phát hiện kịp thời rủi ro tiềm ẩn, và buộc phải cứu vớt Tập đoàn khi nó đã bị vỡ nợ, nếu sự sụp đổ của nó gây tác động rất tiêu cực đến sự ổn định kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nếu rủi ro nợ và vỡ nợ của DNNN cứ tiếp tục tăng, thì khả năng Chính phủ bảo lãnh để tái cấu trúc nợ (như đã làm với Vinashin) sẽ ngày một khó hơn. Nhận thức được điều đó thì việc giám sát các tập đoàn ngày càng trở nên cấp bách. Song, vấn đề là làm như thế nào?

Để có câu trả lời rõ ràng, chúng ta cần nhắc lại cách phân loại các tập đoàn trong Đề án tái cơ cấu của Chính phủ. Cụ thể, chúng được phân ra thành 3 nhóm: Nhóm 1: Tập đoàn, Tổng công ty thuộc 100% sở hữu Nhà nước (quốc phòng, năng lượng, cơ sở hạ tầng, xuất bản); Nhóm 2: Tập đoàn, hay tổ chức, được cổ phần hóa, mà sở hữu nhà nước chiếm ưu thế (khai thác khoáng sản, bưu chính – viễn thông, tài chính – bảo hiểm, giao thông, chăm sóc sức khỏe, giáo dục); Nhóm 3: Tập đoàn, tổng công ty bị thua lỗ thường xuyên; cần phải sáp nhập hoặc giải thể.

Đối với Nhóm 3, cái mà

chúng ta có thể làm là rút ra bài học từ thất bại của chúng, để tránh có thêm nhiều tập đoàn như Vinashin hay Vinalines. Nó giúp cho việc lựa chọn cách xây dựng cơ chế giám sát sử dụng vốn cho Nhóm 1 và Nhóm 2.

Rất nhiều lĩnh vực thuộc Nhóm 1 (quốc phòng, năng lượng, hạ tầng) và Nhóm 2 (y tế, giáo dục, viễn thông, giao thông) có cùng chung tính chất: đều thuộc vào dạng hàng hóa. Theo nghĩa, nếu một công dân được hưởng nền giáo dục, y tế, an ninh tốt, như ở Singapore, thì không loại trừ một công dân khác ở Singapore cũng được hưởng như vậy. Do đó, nếu tư nhân hóa (Việt Nam gọi là “xã hội hóa”) các dịch vụ này, thì chỉ có cá nhân hay tổ chức nào quan tâm nhất đến trật tự - an toàn nơi mình sống mới bỏ sức vào việc nâng cao chất lượng các dịch vụ đó và số đông còn lại chỉ việc hưởng lây (free riding). Vì vậy, ở Việt Nam, có quá ít nỗ lực để xây dựng bệnh viện, trường học, khu phố tốt như ở Singapore, hay thậm chí, nhiều nơi còn giống như thời chúng ta chưa có trào lưu “xã hội hóa” dịch vụ giáo dục, y tế.

Các lĩnh vực thuộc cả Nhóm 1 và Nhóm 2 cũng thuộc nhóm ngành chịu chi phối bởi quy luật



tăng hiệu quả theo quy mô. Hạ tầng đường xá chỉ nên được quy hoạch xây dựng khi có một số lượng đủ lớn luồng giao thông qua lại tại đó. Bệnh viện, trường học tốt chỉ xuất hiện ở những nơi có đủ đông dân cư có hiểu biết và thu nhập đủ cao, sẵn sàng chi trả cho chất lượng dịch vụ cao tại đó. Công ty viễn thông chỉ thu lợi cao khi có số lượng lớn khách hàng sử dụng dịch vụ của nó. Dịch vụ tài chính hiện đại chỉ xuất hiện khi có rất nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp theo quy mô lớn, cần huy động vốn và đa dạng hóa rủi ro cho việc đầu tư vào công nghệ có tiềm năng. Cũng vậy, nhiều tổ chức đầu cơ tài chính xuất hiện dày đặc khi có sức nóng đầu cơ chứng khoán, nhà đất ở các thị trường mới nổi.

Nếu tính đến tính chất hàng hóa công cộng với tính tăng hiệu

quả theo quy mô thì nên tăng mạnh tính cạnh tranh ở các ngành viễn thông, hàng không, bảo hiểm - tài chính. Tính đến thị trường đầy tiềm năng gần 100 triệu dân ở Việt Nam, đây quả là một cơ hội rất lớn, nhưng không tự nhiên có. Điều đó có nghĩa là, cần tăng cổ phần hóa các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, đi kèm với việc thu hút các tập đoàn nước ngoài vào cạnh tranh ở các lĩnh vực này. Trong thị trường dày đặc, nhiều người mua – người bán, hiệu quả kinh doanh của công ty này là thước đo đánh giá nỗ lực nâng cao năng suất và hiệu quả của các công ty khác, và ngược lại. Xét trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nhà nước có thể thông qua thị trường cạnh tranh quốc tế để giám sát hiệu quả sử dụng vốn của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Từ đó, nâng cao khả

năng cam kết tái cấu trúc tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước không hiệu quả.

Cổ phần hóa các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có nghĩa là chúng buộc phải gây vốn thông qua phát hành cổ phiếu; hoặc đi vay ngân hàng thương mại với lãi suất không ưu đãi; và bị siết chặt chi ngân sách cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước này. Việc cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phát hành cổ phiếu đi kèm với tăng vốn vay ưu đãi hoặc vốn ngân sách chi cho đầu tư là sai nguyên tắc và sẽ lại làm nóng thị trường tài chính mới nổi; đồng thời làm sụt giảm hơn nữa lợi thế cạnh tranh động; làm tăng rủi ro có thêm “Vinashin” mới và tăng tỷ lệ nợ/GDP. Khủng hoảng nợ và suy thoái kinh tế kéo dài là điều không tránh khỏi. Điều đó bao hàm rằng, tái cấu trúc tập đoàn,

tổng công ty nhà nước phải đi kèm với tái cấu trúc hệ thống ngân hàng chuyên dụng. Chúng sẽ không thể tiếp tục là kênh bơm vốn với lãi suất ưu đãi tới địa chỉ đã định bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Việc đầu tư nguồn vốn quá lớn vào một số ít tập đoàn sẽ kích thích từng ngân hàng chuyên dụng tiếp tục bơm vốn để cứu các dự án lớn thua lỗ. Như kinh nghiệm năm 2008- 2011, khi lãi suất vay liên ngân hàng tăng vọt, đó là tín hiệu của tỷ lệ nợ xấu, không đòi được đã tăng đến mức báo động. Do vậy, một yêu cầu khách quan là cần “phi tập trung hóa” các ngân hàng chuyên dụng, như Agribank. Việc phân nhỏ các ngân hàng chuyên dụng; biến chúng thành rất nhiều ngân hàng nhỏ sẽ khiến mỗi ngân hàng chỉ có thể chiếm một tỷ lệ nhỏ trong các dự án đầu tư; mở ra khả năng từng ngân hàng nhỏ sẽ sẵn sàng từ bỏ các dự án làm ăn thua lỗ để nhảy sang dự án sinh lãi. Tức là, khả năng cam kết tăng lên. Nói gọn lại, tái cấu trúc tập đoàn, tổng công ty nhà nước đòi hỏi tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại theo hướng tạo ra một thị trường vốn gồm nhiều ngân hàng nhỏ cạnh tranh.

Trong bước đi như vậy, ngân sách chi cho đầu tư cũng phải được “tái cấu trúc”. Nó gánh vác việc cho vay vốn lớn cho các định hướng đầu tư chiến lược như trước đây. Nhưng chi ngân sách cho đầu tư nên được dùng để khuyến khích “du nhập” tiền bộ về tổ chức và công nghệ. Tri thức công nghệ là một dạng hàng hóa công nhưng khả năng hấp thụ nó lại mang tính đặc thù. Nếu doanh nghiệp góp nhặt được tiến

bộ công nghệ để tạo lợi nhuận độc quyền, chèn ép doanh nghiệp khác thì hiệu quả và sản lượng của toàn ngành sẽ giảm. Ngược lại, nếu mỗi doanh nghiệp đầu tư chỉ vào lĩnh vực mà nó có ưu thế nhất, và phối hợp nhau để tạo ra các sản phẩm cạnh tranh hơn thì tri thức công nghệ lan nhanh hơn và năng suất toàn ngành cao hơn. Ngân sách có thể dùng để kích thích sự phối hợp bằng cách thưởng cho nỗ lực hợp tác: tăng chi đầu tư, hay giảm thuế suất khi các doanh nghiệp đã đạt được sự phối hợp. Cơ chế kích thích đó phải được lồng vào quy hoạch dài hạn; được trao đổi, làm rõ với các Bộ, ngành và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có liên quan. Qua đó, làm hình thành rõ kỳ vọng về chiến lược ưu tiên phát triển và hiệu quả cần đạt được trong các kỳ kế hoạch 5 năm, chi tiết cho kế hoạch trung hạn và từng năm. Trên thị trường vốn cạnh tranh, hoạt động của nhiều ngân hàng thương mại sẽ hỗ trợ cho đầu tư dài hạn từ ngân sách theo nghĩa: chúng phát đi tín hiệu sớm nhất về các dự án ít triển vọng; cho phép kịp thời điều chỉnh, tái cơ cấu các khâu yếu kém nhất. Như vậy, khả năng giám sát và cam kết được tăng lên.

Đầu tư ngân sách cũng cần tập trung cho việc xây dựng các bệnh viện, trường học, được phân tầng theo trình độ nhận thức và khả năng chi trả của dân cư từng khu vực. Nên quy hoạch các trường, bệnh viện trọng điểm đạt chất lượng cao ở toàn vùng, toàn quốc; và cuối cùng là ở tầm cạnh tranh quốc tế tại các đô thị lớn nhất, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Cách tổ chức hệ thống

giáo dục và bệnh viện như vậy, có hai tác dụng:

Một là, ngăn chặn tình trạng di dân và chuyển lượng cầu dịch vụ lớn lên tuyến trên, gây quá tải ở các thành phố lớn. Từ đó, tiết kiệm rất lớn chi ngân sách cho nhu cầu tăng năng lượng, giao thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và an ninh ở các đô thị lớn.

Hai là, chúng nhằm tới việc đáp ứng nhu cầu cơ bản về chăm sóc sức khỏe và giáo dục, được nâng lên dần theo mức độ tăng thu nhập trung bình của từng vùng. Do đó, mở ra cơ hội cho việc tuyển chọn những tài năng trẻ ở toàn quốc có cơ hội vào học tại các trường trọng điểm ở các đô thị phát triển hơn. Trong mô hình như vậy, các trường tư, bệnh viện tư đắt tiền sẽ mọc ra ở các khu vực dân cư có thu nhập cao; cạnh tranh về chất lượng với trường công, mà tiêu chuẩn duy nhất là tài chứ không phải khả năng chi trả (bao hàm ngân sách chi cho đầu tư vốn người). Việc gắn bệnh viện trọng điểm với Đại học y dược; hay gắn các công ty công nghệ cao với Đại học công nghệ sẽ tăng nguồn quỹ cho đầu tư tài năng trẻ của các trường và tăng nguồn cung tài năng trẻ về các cơ sở bệnh viện, hay công ty công nghệ. Điều này không mới, nếu không nhấn mạnh rằng: Trường là nơi phải đào tạo ra tài năng có tính cạnh tranh khu vực; các ngành công nghiệp là nơi thu hút tài năng để tạo ra các sản phẩm cạnh tranh, có suất sinh lời tăng theo việc tăng quy mô thị trường (IRTS). Thị trường tài chính – bảo hiểm sẽ hiện đại hóa dần lên để làm dễ dàng cho các dòng luân chuyển vốn và lao động.■

Tái cơ cấu Ngân hàng Thương mại Nhà nước Việt Nam do KTNN thực hiện



THS. TRẦN PHƯƠNG THÙY

Khoa Kế toán, kiểm toán - Học viện Ngân hàng



Quá trình thực hiện tái cơ cấu Ngân hàng Thương mại Nhà nước thời gian qua - những lưu ý trong kiểm toán

Thực chất của tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) là thực hiện một khâu trong tái cấu trúc nền kinh tế. Đó là việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống NHTM một cách toàn diện, tự làm mới mình cho phù hợp với tình hình hiện tại, đảm bảo cho NHTM nâng cao hiệu suất kinh doanh, tính cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Tái cấu trúc không chỉ dừng lại ở việc cơ cấu lại từng ngân hàng mà phải được tiến hành trên cả hệ thống Ngân hàng. Ba nhóm mục tiêu quan trọng nhất cuối cùng của quá trình tái cơ cấu NHTM Việt Nam là mua bán, sáp nhập các tổ chức tín dụng, tăng vốn điều lệ và xử lý nợ xấu, cơ cấu lại hoạt động và quản trị.

Tuy nhiên, các NHTM cần phải nhận diện được các rủi ro trong và sau cơ cấu để quá trình tái cơ cấu đạt hiệu quả cao nhất.

Trong thời gian qua, ưu điểm lớn nhất của các quá trình tái cơ cấu trong giai đoạn này là không dùng đến NSNN, các ngân hàng tự nguyện sáp nhập hoặc dùng vốn của nhà đầu tư, tập đoàn tư nhân nước ngoài, như: SCB, Đệ Nhất và Đại Tín; sáp nhập Tiên Phong Bank - Doji, Habubank - SHB, Pvccombank, Navibank... *KTV cần kiểm tra tất cả các chứng từ, sổ sách liên quan tới quá trình sáp nhập để kiểm tra tính minh bạch của các khoản chi phí và hiệu quả của quá trình sáp nhập thông qua đánh giá kết quả, hiệu quả của các ngân hàng sau quá trình sáp nhập.*

Đến nay, thành công chính của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nổi bật nhất ở việc đảm bảo được tính thanh khoản hệ thống, không để xảy ra đổ vỡ, tạo ổn định ngành, tạo điều kiện để ổn định kinh tế vĩ mô.

Điểm sáng lớn nhất hiện nay trong việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng chính là việc thành lập Công ty mua bán nợ VAMC và các hành lang pháp lý cho việc xử lý nợ xấu đã ra đời. Tính đến cuối tháng 7/2014, VAMC đã mua được gần 54 ngàn tỷ đồng nợ xấu. Sau 5 năm, VAMC không bán được khoản nợ xấu đó thì khoản nợ xấu này lại được chuyển giao về ngân hàng, “nợ hoàn cổ chủ”. *Chính vì vậy, các KTV cần chú ý kiểm toán tới hoạt động của VAMC để xem quá trình xử lý các khoản*



nợ thế nào sau khi mua các khoản nợ đó. Và cần kiểm tra quá trình thẩm định các phương án xử lý nợ xấu diễn ra thế nào, có khả thi hay không.

Khả năng thanh khoản của hệ thống ngân hàng đã được cải thiện rõ rệt so với trước tái cơ cấu. Lãi suất đã được dần điều chỉnh về qui luật thị trường khi lãi suất kỳ hạn 12 tháng cao nhất, và lãi suất 1 tháng thấp nhất, dao động xung quanh mức 4%-6,5% trong quý 3 năm 2013. Có thể nói, đây là thành công đáng ghi nhận nhất của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Vấn đề cần quan tâm trong quá trình tái cơ cấu hiện nay là việc triển khai các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, công tác quản lý, xử lý nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro, cơ cấu lại nợ của các nhà băng; tình hình giám sát, thanh tra minh bạch hoạt động của các tổ chức tín dụng... Rủi ro nợ xấu trong tương lai lại tiềm ẩn khi các NHTM đang nỗ lực thúc đẩy tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trong năm 2014, đặc biệt là những tháng cuối năm để đạt chỉ tiêu kế hoạch. Do đó, KTV cần chú ý tới việc tuân thủ các quy định trong phân loại nợ của các ngân hàng; việc trích lập dự phòng đã phù hợp hay chưa, kết quả kinh doanh có thể sụt giảm nghiêm trọng bởi việc trích lập dự phòng. Cả với những khoản nợ xấu bán cho VAMC, ngân hàng cũng phải trích lập dự phòng 20% mỗi năm cho trái phiếu đặc biệt nhận lại, nên nguồn lợi tức dành cho cổ đông trong những năm gần đây bị giảm xuống. Điển hình như HĐQT LienVietPostBank cho rằng, trước tình hình khó khăn, lợi nhuận giảm do dự phòng cao, mức cổ tức 6% đã là cố gắng và Ngân hàng mong nhận được sự chia sẻ từ các cổ đông. Với Eximbank, tỷ lệ cổ tức đưa ra cho năm 2014 ở mức 8,5%, nhưng suốt cả năm qua, Eximbank chưa tạm ứng đợt cổ tức nào cho cổ đông. Cách đây 2 năm, Eximbank có tỷ lệ cổ tức khá cao lên đến 20 - 25% (cả tiền mặt và cổ phiếu). Do đó, các KTV khi tiến hành kiểm toán về hiệu quả kinh doanh của các NHTM cần chú ý tới các chỉ tiêu lợi nhuận, các căn cứ của việc trích lập dự phòng, bởi cũng có thể có những hành vi gian lận trong trích lập dự phòng. Với việc trích lập dự phòng đầy đủ cơ sở để giảm nợ xấu, KTV cần chú ý khi đánh giá hiệu quả kinh doanh, bởi quá trình tái cơ cấu chưa chấm dứt và khi kiểm toán quá trình tái cơ cấu thì còn cần quan tâm tới "hậu tái cơ cấu" để đánh giá hiệu quả.

Hai là, tài sản đảm bảo là các khoản phải thu, hàng tồn kho thì mang tính rủi ro cao hơn. Vụ việc mới nhất là Công ty Minh Hiếu (tỉnh Bạc Liêu) thế chấp hơn 100 tấn tôm đông lạnh để vay tiền của BIDV. Công ty này lại tiếp tục dùng số tôm đã thế chấp làm tài sản thế chấp để vay tiền NH TMCP An Bình, BIDV Chi nhánh Cà Mau và NH TMCP Á Châu. Công ty Trường Ngân (TP. HCM) thế chấp hơn 3.000 tấn cà phê tại một ngân hàng, sau đó dùng số cà phê này tiếp tục thế chấp tại 6 ngân hàng khác để vay 600 tỉ đồng. Chính vì vậy, các KTV cần kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành các quy định khi chấp nhận tài sản thế chấp là hàng hóa từ việc kiểm định chất lượng hàng hóa, thẩm tra chứng từ mua hàng, kiểm tra thực tế kho hàng của doanh nghiệp rồi giải ngân.

Trong tái cơ cấu NHTM, chúng ta cần nhìn nhận đánh giá tổng thể hoạt động SXKD của ngân hàng chứ không nhìn nhận theo từng hoạt động riêng rẽ. Chính vì vậy, chúng ta cần triển khai kiểm toán quá trình tái cơ cấu theo tiêu chí 3E đó là: Hiệu lực - Hiệu quả và Hiệu năng của hoạt động kinh doanh ngân hàng:

- Về việc đánh giá tính hiệu lực của kiểm soát quản trị nội bộ để từ đó nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu trong phương thức và tổ chức điều hành quản trị nội bộ của ngân hàng làm cơ sở cho tái cơ cấu.

KTV cần thực hiện các thử nghiệm kiểm soát, rà soát quy trình kiểm soát, việc thực hiện các nội quy, quy định trên thực tế; cần quan tâm tới bằng chứng đặc biệt thông qua việc sử dụng tư liệu của các KTV nội bộ từ đó phát hiện ra các thủ tục kiểm soát nào tốt để phát triển, những thủ tục nào chưa tốt hoặc không được thực hiện trên thực tế để phát hiện ra điểm yếu. Việc phát hiện ra các lỗ hổng về kiểm soát giúp KTV tìm hiểu nguyên nhân, nhận diện được những rủi ro kiểm soát và những rủi ro trong tổ chức, quản lý của ngân hàng; đưa ra các giải pháp kịp thời cho chính đơn vị và cho các nhà quản lý vĩ mô. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong quá trình tái cơ cấu nhằm quản lý rủi ro.

- Về đánh giá hiệu quả các hoạt động: Hiệu quả các hoạt động cần được nhìn nhận trong và cả sau quá trình tái cơ cấu. Các KTV không chỉ dựa vào các thông tin tài chính về doanh thu, lợi nhuận mà cần dựa vào chính sản phẩm dịch vụ.

Hệ thống tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt

động của ngân hàng bao gồm sức sinh lợi, mức tiết kiệm cho hoạt động và những đánh giá về mức độ rủi ro trong kinh doanh ngân hàng.

Khi đánh giá về sức sinh lợi, có thể đánh giá về sức sinh lợi của chi phí, tài sản và vốn chủ sở hữu:

►► Sức sinh lợi của chi phí, bao gồm: Sức sinh lợi của chi phí tiền lương; Sức sinh lợi của chi phí quảng cáo

►► Sức sinh lợi của Tài sản cố định, bao gồm: Sức sinh lợi của tài sản cố định trong ngân hàng; Sức sinh lợi của tài sản cố định ngân hàng đầu tư mới

►► Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu...

Khi đánh giá về sức sinh lợi, chúng ta sử dụng thước đo chi phí, trong đó yếu tố đầu vào là tổng chi phí bỏ ra, hoặc tổng giá trị tài sản đưa vào quá trình kinh doanh. Vì vậy, trong quá trình tái cơ cấu thì sức sinh lợi của quá trình kinh doanh là không thể thiếu. Bởi tái cơ cấu để kinh doanh hiệu quả hơn, phát triển bền vững hơn nên không thể chỉ chú trọng vào các con số lợi nhuận mà cần chú trọng tới cả chất lượng của quá trình kinh doanh.

Mức tiết kiệm cho hoạt động bao gồm:

►► Mức tiết kiệm tuyệt đối cho hoạt động

+ Mức tiết kiệm tuyệt đối do giảm chi phí quảng cáo

+ Mức tiết kiệm tuyệt đối do giảm chi phí quản lý

►► Mức tiết kiệm tương đối cho hoạt động

+ Mức tiết kiệm tương đối do giảm chi phí quảng cáo

+ Mức tiết kiệm tương đối do giảm chi phí quản lý...

Mức tiết kiệm chi phí này cần được đặt trong mối quan hệ với kết quả đầu ra như lợi nhuận của ngân hàng, khả năng giảm thiểu rủi ro...

Đánh giá về mức độ rủi ro trong kinh doanh, cần thông qua đánh giá về hệ số khả năng bù đắp rủi ro tín dụng, nợ quá hạn không có khả năng thu hồi so với vốn tự có. Để phát triển bền vững trong tương lai, các ngân hàng không thể chỉ chú trọng vào hoạt động tín dụng mà cần kiểm soát rủi ro về lãi suất và rủi ro hối đoái.

Trong tái cơ cấu một nhiệm vụ vô cùng quan trọng để tái cơ cấu thành công đó là phải nhận diện được những rủi ro, từ đó quản trị rủi ro và có biện pháp phòng ngừa rủi ro. Để làm tốt điều này, các ngân hàng cần phải đánh giá hiệu quả kinh doanh và mức độ rủi ro trong kinh doanh để đưa

ra những chiến lược và giải pháp kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

- Về đánh giá hiệu năng quản lý: Các ngân hàng cần xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể cho từng nguồn lực sử dụng trong từng năm tài chính dựa trên kế hoạch chung đã được phê duyệt của Hội sở, của các chi nhánh... Đặc biệt, ngân hàng cần có hệ thống dự toán nguồn vốn trong năm tài chính làm cơ sở soát xét, đối chiếu với thực tế phát sinh. Hàng năm, căn cứ vào các Báo cáo sơ kết, Báo cáo tổng kết năm làm cơ sở để báo cáo cấp trên và tổng hợp báo cáo của Hội sở. Các Báo cáo này được lập trên cơ sở thực trạng hoạt động trong năm thông qua các báo cáo như Biên bản nghiệm thu, hệ thống Báo cáo tài chính, phê duyệt quyết toán...

Rõ ràng, công việc tái cơ cấu các NHTM không thể thực hiện trong thời gian ngắn mà là công việc thường xuyên. Để tái cấu trúc có hiệu quả thì cần có những đường hướng cơ bản và tập trung trước hết vào tái cấu trúc hệ thống tài chính, tái cấu trúc cơ chế huy động nguồn lực và phân phối nguồn lực tài chính... Tái cấu trúc cần được thực hiện đồng bộ, vững chắc chứ không dàn trải, hình thức. Do đó, khi tiến hành kiểm toán quá trình tái cơ cấu đang trong giai đoạn quyết liệt thì các KTV cần tiến hành kiểm toán toàn diện trên các lĩnh vực và khi đánh giá hiệu quả cần phải được xem xét trong dài hạn và hậu kiểm toán chứ không chỉ lấy số liệu đạt được đến thời điểm hiện tại để đánh giá cả quá trình tái cơ cấu. ■

Tài liệu tham khảo:

1. GS.TS.Nguyễn Quang Quynh, Kiểm toán hoạt động, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009
2. Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – kiểm toán Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Kiểm toán hoạt động, NXB Phương Đông, 2011
3. GS.TS.Nguyễn Quang Quynh, TS.Nguyễn Thị Phương Hoa, Lý thuyết kiểm toán, Tái bản lần 6, NXB Tài chính, Hà Nội, 2008.
4. PGS.TS. Thịnh Văn Vinh, Kiểm toán hoạt động, NXB Tài chính, Hà Nội, 2010.
5. ThS. Nguyễn Thị Thanh Diệp, "Xác định tiêu chí đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong kiểm toán hoạt động – kinh nghiệm thế giới và bài học cho kiểm toán nhà nước Việt Nam", Hội thảo khoa học, 2013.



QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

**Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2
đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm
thuộc đường vành đai III Thành phố Hà Nội:**

Hoàn thành vượt tiến độ nhưng chất lượng vẫn chưa đảm bảo

 **BẮC SƠN**

Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm thuộc đường vành đai III Thành phố Hà Nội có tổng mức đầu tư lên đến hơn 5.547 tỷ đồng, trong đó chi phí xây dựng hơn 3.752 tỷ đồng, dự phòng 1.222 tỷ đồng, các chi phí khác gần 563 tỷ đồng... Dự án sử dụng nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức từ Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) và vốn đối ứng trong nước; trong đó, vốn ODA là hơn 4.578 tỷ đồng và vốn đối ứng hơn 969 tỷ đồng. Điểm đầu dự án từ km 19+620 tại vị trí sau cầu vượt Mai Dịch hiện tại; điểm cuối là km28+532 phía Bắc hồ Linh Đàm (điểm đầu của dự án xây dựng cầu Thanh Trì). Phạm vi xây dựng của dự án nằm trong dải phân cách giữa của đường vành đai III giai đoạn 1. Chiều dài toàn tuyến hơn 8,9 km, bao gồm 385m đường và 8.527m cầu cạn chính tuyến. Dự án được khởi công theo các nút giao thông chính, bao gồm: nút giao thông Mai Dịch đến nút giao thông Trung Hòa (gói thầu số 1); nút giao

thông Trung Hòa đến Thanh Xuân (gói thầu số 2); nút giao Thanh Xuân đến phía Bắc hồ Linh Đàm (gói thầu số 3). Theo Ban Quản lý dự án (QLDA) Thăng Long, mặt đường vành đai III giai đoạn 2 trung bình sẽ cao hơn mặt đường giai đoạn 1 khoảng 8m. Do đó, đây không chỉ là tuyến đường cao tốc đô thị hiện đại mà còn là tuyến đường 2 tầng đầu tiên ở Hà Nội và cả Việt Nam.

Theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN), trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, các nhà thầu và các đơn vị có liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định của Dự án cũng như các quy định về quản lý, đầu tư xây dựng của Nhà nước. Trong bối cảnh chậm trễ của rất nhiều dự án thì công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng vượt tiến độ đề ra. Tuy nhiên, báo cáo kiểm toán cũng đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện gây ảnh hưởng không nhỏ đến tính kinh tế và chất lượng của Dự án.

Hoàn thành vượt tiến độ cam kết...

Theo đánh giá của KTNN, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, các nhà thầu và các đơn vị có liên quan đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để các gói thầu hoàn thành theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Tiến độ thi công tại các gói thầu được kiểm toán đều hoàn thành đúng và vượt tiến độ so với hợp đồng ký kết, cụ thể: gói thầu số 1 vượt tiến độ 266 ngày; gói thầu số 2 vượt tiến độ 452 ngày, gói thầu số 3 phần kết cấu chính vượt tiến độ 146 ngày.

Các nhà thầu đã huy động hết năng lực thi công có thể để xây dựng công trình với thời gian nhanh nhất, kết hợp sự hỗ trợ của chủ đầu tư trong việc tăng tỷ lệ tạm ứng để huy động thiết bị, vật tư cần thiết kịp thời phục vụ thi công. Đơn vị tư vấn giám sát đã rất cố gắng trong việc phê duyệt kịp thời các thay đổi về thiết kế cũng như giám sát trên công trình; tổ chức thi công làm việc tăng ca, làm thêm giờ kể cả các ngày nghỉ lễ sau khi được kỹ sư chấp thuận và được các bên thỏa

thuận trong hợp đồng. Ngoài ra, các nhà thầu đã huy động thêm máy móc thiết bị phục vụ quá trình thi công tại các gói thầu. Riêng gói thầu số 2, nhà thầu đã áp dụng một số biện pháp thi công và giải pháp kỹ thuật đẩy nhanh tiến độ thi công, cụ thể: tổ chức hướng thi công theo 2 mũi, áp dụng hệ thống 6 cầu long môn 40 tấn và 60 tấn để phục vụ thi công phần dưới và lao lắp dầm; sử dụng hỗn hợp bê tông xi măng cho công trình có cường độ chịu nén cao hơn so với cường độ chịu nén quy định trong thiết kế đã giảm đáng kể thời gian thi công (giảm được 21 ngày chờ bê tông xi măng ninh kết để đạt cường độ chịu nén theo thiết kế); sử dụng hệ thống công trình phụ trợ thi công và biện pháp thi công tại các mũi thi công có tính luân chuyển cao, giảm thời gian chờ giữa các giai đoạn thi công, từ đó giảm thời gian gia công chế tạo, lắp dựng, tháo dỡ.

Đối với gói thầu tư vấn giám sát (gói thầu số 4), hoàn thành vượt tiến độ cam kết trong hợp đồng do các gói thầu thi công xây lắp triển khai thi công vượt tiến độ; Ban QLDA Thăng Long, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công đã áp dụng một số giải pháp để đáp ứng tiến độ thi công thực tế tại các gói thầu xây lắp. Việc rút ngắn tiến độ thi công tại các gói thầu xây lắp đã tiết kiệm chi phí tư vấn giám sát 61,4 tỷ đồng.

...nhưng đã phải khắc phục, sửa chữa ngay sau khi bàn giao

Việc tính toán khối lượng một số hạng mục trong quá trình thiết kế kỹ thuật chưa chính xác so



với hồ sơ thiết kế được phê duyệt làm tăng giá trị dự toán lập ban đầu, cụ thể: tại gói thầu số 1, việc tính sai các hạng mục đáy móng, vạch sơn kẻ đường, cấp không bọc thép đã làm tăng dự toán gần 805 triệu đồng; gói thầu số 2 tăng gần 4,821 tỷ đồng do tính sai khối lượng các hạng mục thanh cốt thép, kết cấu bê tông loại B-1, C-1, C-3. Do công tác khảo sát tại một số hạng mục không đúng thực tế nên một số hạng mục mặc dù có trong hồ sơ trúng thầu nhưng thực tế không thi công, như: phá vỡ lớp mặt đường bê tông nhựa, phá vỡ hồ thi công, cột điện, biển quảng cáo, chuẩn bị bề mặt... Giải pháp thiết kế tại một số hạng mục như đào hố móng trụ cầu, thiết kế hàng rào chưa phù hợp với điều kiện thi công thực tế và quy trình

áp dụng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ban đầu còn nhiều điểm chưa phù hợp, phải điều chỉnh, bổ sung giá trị dự toán 162,961 tỷ đồng, cụ thể: điều chỉnh khối lượng ván khuôn dầm super T làm tăng 28,191 tỷ đồng; điều chỉnh cự ly vận chuyển bê tông xi măng từ 1km lên 3,1km do khảo sát thiết kế không phù hợp với thực tế làm tăng chi phí 3,128 tỷ đồng (gói thầu số 2); tính thừa thép tại hạng mục cọc khoan nhồi, tính thiếu tỷ lệ khấu hao đà giáo thi công, ván khuôn dầm, khối lượng để cống dẫn đến phải điều chỉnh giảm 35,7 tỷ đồng (gói thầu số 3); điều chỉnh các tỷ lệ chi phí tăng 40 tỷ đồng; điều chỉnh đơn giá các loại vật liệu như sắt, thép, ống nhựa, đá dăm... làm



tăng chi phí 127,342 tỷ đồng.

Trong công tác giám sát, nghiệm thu thanh toán còn một số sai sót về khối lượng, KTNN đã giảm trừ thanh toán số tiền 1,785 tỷ đồng. Tại gói thầu số 2, việc thiết kế điều chỉnh, thi công lớp bê tông nhựa dày 7cm bản mặt cầu chưa phù hợp với quy trình thi công và nghiệm thu áp dụng cho dự án: không thí nghiệm độ lún hằn vệt bánh xe khi lựa chọn hỗn hợp bê tông nhựa; sử dụng thước đo độ bằng phẳng không phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định; không kiểm tra nhiệt độ hỗn hợp bê tông nhựa theo đúng tiêu chuẩn TCVN 8819-2011. Sau khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, làn xe tải hướng đi từ Linh Đàm đến Mai Dịch từ km24+949 đến km25+278 (29m) đã xảy ra

hiện tượng lún hằn vệt bánh xe. Công trình đang trong thời gian bảo hành nên đã được nhà thầu khắc phục sửa chữa nhưng đến thời điểm kiểm toán, Bộ Giao thông vận tải, Ban QLDA Thăng Long và các đơn vị liên quan vẫn chưa xác định được nguyên nhân xảy ra hiện tượng trên.

Chưa xử lý dứt điểm kiến nghị của KTNN

Từ những tồn tại, hạn chế đã nêu ở trên, KTNN đã kiến nghị Ban QLDA Thăng Long giảm trừ chi phí đầu tư thực hiện 14,229 tỷ đồng, trong đó: thu hồi nộp NSNN 7,763 tỷ đồng, giảm thanh toán 6,466 tỷ đồng. Ban QLDA Thăng Long cần chấn chỉnh công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý tài chính, cụ thể: công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế tại các gói thầu thi công xây lắp chưa chính xác; chậm lập, phê duyệt nghiệm thu, thanh toán một số hạng mục tại gói thầu số 2; chấn chỉnh công tác quản lý chất lượng công trình chưa thực hiện đầy đủ các quy định theo tiêu chuẩn TCVN 8819-2011. Ngoài ra, Ban QLDA Thăng Long cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra sai sót trong các công tác khảo sát, thiết kế, nghiệm thu toàn bộ Dự án. Đối với Bộ Giao thông vận tải, KTNN đề nghị Bộ chỉ đạo các đơn vị liên quan xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra hiện tượng lún hằn vệt bánh xe sau khi công trình được bàn giao đưa vào khai thác tại làn xe tải hướng đi Linh Đàm - Mai Dịch.

Theo báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN năm 2013 tại Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm, tính đến thời điểm 23/5/2014, Ban QLDA Thăng Long đã thực hiện kiến nghị giảm chi đầu tư xây dựng 12,688/14,229 tỷ đồng, đạt 89,1% kiến nghị (thu nộp NSNN đạt 91%; giảm chi sai chế độ đạt 87%). Ngoài việc thực hiện kiến nghị tài chính, Ban QLDA Thăng Long cũng đã yêu cầu các đơn vị lập khảo sát, thiết kế, giám sát thi công kiểm điểm trách nhiệm về các tồn tại trong quá trình thực hiện Dự án. Tổng Giám đốc Ban QLDA đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với đơn vị tư vấn OC, lãnh đạo và các chuyên viên văn phòng QLDA 1; yêu cầu tư vấn xem xét lại các vị trí nhân sự có liên quan để có phương án xử lý, thay thế.

Mặc dù Ban QLDA Thăng Long đã kịp thời chỉ đạo việc thực hiện các kiến nghị của KTNN nhưng chủ yếu vẫn là thực hiện kiến nghị tài chính, các nội dung khác chưa được xử lý dứt điểm, chỉ dừng lại ở việc họp, làm bản kiểm điểm và tự phê bình. KTNN đã gửi báo cáo kiểm tra và đề nghị Ban QLDA Thăng Long tiếp tục khẩn trương hoàn thành các kiến nghị của KTNN, bao gồm: 1,541 tỷ đồng giảm chi đầu tư xây dựng chưa thực hiện; khẩn trương phối hợp với tư vấn kiểm định xác định nguyên nhân hằn lún vệt bánh xe lớp bê tông nhựa mặt cầu; nghiêm túc chấn chỉnh những tồn tại trong công tác quản lý chất lượng công trình theo tiêu chuẩn TCVN 8819-2011 tại gói thầu số 2. ■

Vì phạm tài chính tại Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Nga

 **THANH XUYỀN**

Ngày 22/5 vừa qua, cơ quan KTNN Liên bang Nga (RAC) đã công bố báo cáo kiểm toán định kỳ hàng năm về điều tra tình trạng sử dụng công quỹ, đánh giá mức độ chi tiêu của các Bộ và các cơ quan trong Chính phủ liên bang Nga. Kết quả kiểm toán cho thấy, chỉ tính riêng trong năm 2014, Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Nga đã vi phạm tài chính lên tới 92 tỷ Rúp (1,8 tỷ USD).

Thất thoát quá lớn tại RSA

Tại cuộc họp báo công bố báo cáo kiểm toán trên, Chủ tịch RAC Tatyana Golikova cho biết, các hành vi vi phạm bao gồm việc sử dụng không hiệu quả các nguồn vốn, sử dụng sai hoặc chiếm đoạt các quỹ công, vi phạm trong việc lập báo cáo tài chính, giả mạo tài liệu và nhiều hành vi gian lận, lạm dụng chức quyền khác...

Bà Golikova nhấn mạnh, Roscosmos là một trong những cơ quan có nhiều vi phạm tài chính nghiêm trọng nhất. Bà bày tỏ sự sững sốt: “Lúc đầu, tôi thậm chí không tin vào các thanh tra viên đồng nghiệp của mình, bởi vi phạm về tài chính này của Roscosmos lên tới 92 tỷ Rúp. Đó là một con số quá lớn khó có thể tin được. Ban đầu, tôi đã xem xét việc sử dụng ngân sách cho năm 2013, sau đó cho năm 2014, và tôi nhận ra rằng số vụ vi phạm đã tăng lên đáng kể giữa 2 năm này”.

Phó Thủ tướng Nga Dmitry Rogozin cho biết: “Những hành vi gian lận, lạm dụng chức quyền và giả mạo tài liệu bị phát hiện đã khiến các DN hoạt động trong ngành công nghiệp hàng không chịu thiệt hại kinh tế hơn 9 tỷ Rúp (180 triệu USD). Đây là hậu quả tất yếu khi bộ máy quản lý ngành công nghiệp này tại Nga đã và đang thoái hóa, biến chất



**Bà Tatyana Golikova, Chủ tịch
Văn phòng Kiểm toán Liên bang Nga**

nghiêm trọng”.

RAC chưa công bố kết quả chi tiết cuộc kiểm toán Roscosmos, nhưng theo bà Golikova, phần lớn các sai phạm tài chính tại RSA liên quan đến công trường Vostochny Cosmodrome đang được xây dựng ở vùng Viễn Đông Liên bang Nga.

Vostochny Cosmodrome là một dự án lớn của Chính phủ trị giá khoảng 3 tỷ USD, được xây dựng từ năm 2012, với mục đích giúp Nga có thể độc lập nghiên cứu và phát triển ngành khoa học không gian. Hiện tại,

Nga vẫn đang phải dựa vào Baikonur Cosmodrome, cơ sở hoạt động không gian đầu tiên và lớn nhất thế giới ở Kazakhstan, do Liên Xô xây dựng vào cuối những năm 1950, để xử lý hầu hết các vụ phóng tàu vũ trụ không gian của mình. Bà Golikova cho hay, quá trình xây dựng Vostochny đã bội chi khoảng 13 tỷ Rúp (260 triệu USD). Ủy ban Điều tra của Nga vẫn đang tiếp tục điều tra sự việc này.

Sau khi Tổng thống Nga Vladimir Putin thăm Vostochny vào tháng 9/2014, ông cam kết sẽ chi thêm 1 tỷ USD từ ngân sách để hoàn thành dự án vào tháng 12/2015, với hi vọng đất nước sẽ sớm được chứng kiến một cuộc phóng tên lửa đầu tiên từ sân bay vũ trụ mới. Song song với đó là lời cảnh



báo nghiêm khắc đối với các quan chức địa phương chịu trách nhiệm công tác xây dựng dự án này. Trung tâm Dịch vụ an ninh liên bang Nga đang theo dõi sát sao và cam kết sẽ trừng phạt thích đáng bất cứ ai có hành vi xâm phạm công quỹ. Các công tố viên Liên bang đã tuyên bố họ sẽ mở hàng loạt các cuộc điều tra những cán bộ có liên quan đến dự án. Tháng 4 vừa qua, Văn phòng Tổng thanh tra cho biết, họ đã khởi tố 20 vụ án hình sự và 228 quan chức tại Vostochny với nghi án biển thủ công quỹ.

Dù dự án Vostochny vẫn đang tiếp tục sử dụng ngân sách do Chính phủ cấp nhưng giữa tháng 5 vừa qua, ông Dal-spetsstroi, nhà thầu chính cho dự án Vostochny, vẫn đề nghị Chính phủ chi thêm 20 tỷ Rúp (400 triệu USD) để đảm bảo công trình Cosmodrome có thể được hoàn thành đúng tiến độ vào tháng 12/2015.

Khủng hoảng trong ngành hàng không Nga

Bà Golikova không phải là quan chức đầu tiên của Nga gióng lên hồi chuông báo động về công tác quản lý ngành công nghiệp không gian của Nga quá lỏng lẻo, yếu kém. Trước những lo ngại rằng uy tín và sức mạnh các chương trình không gian của Nga sẽ bị ảnh hưởng sau khi nước này vừa bị mất 2 tàu vũ trụ trong tháng 4 vừa qua, Phó Thủ tướng Dmitry Rogozin cũng cảnh báo rằng, sự suy giảm đạo đức trong bộ máy quản lý ngành công nghiệp không gian của Nga, nhiều vụ bê bối tham nhũng và tình hình quản lý tài chính yếu kém trong những năm qua là nguyên nhân gốc rễ gây ra các vấn đề trên, gây ra một chuỗi các thảm họa tàu vũ trụ nghiêm trọng kể từ năm 2010 cho đến nay và cản trở các chương trình không gian của Nga.

Ngành công nghiệp vũ trụ của Nga còn phải đối mặt với những vấn đề lớn khác như ngân sách chi cho các chương trình không gian đã bị cắt giảm mạnh do khủng hoảng kinh tế. Ngân sách dành cho RSA trong thập kỷ tiếp theo bị cắt giảm tới 35%, chỉ còn 2.000 tỷ Rúp (37 tỷ USD); chất lượng sản



Dự án Vostochny đang trong quá trình xây dựng

xuất tên lửa ngày càng suy giảm và mức lương của nhân viên trong ngành ngày càng thấp.

Ông Dmitry Rogozin cảnh báo, Nga có nguy cơ mất 40% thị phần trên thị trường phóng vệ tinh thương mại toàn cầu vào tay các công ty mới nổi từ Hoa Kỳ, như trung tâm SpaceX tại California, nếu Chính phủ Nga không thực sự nỗ lực tìm ra các giải pháp đối phó và cải cách ngành công nghiệp này.

Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm cải cách ngành công nghiệp vũ trụ sau một loạt các tai nạn và thất bại từ năm 2010, nhưng các chương trình phóng tên lửa của Nga tiếp tục gặp phải nhiều thất bại; các quan chức vẫn lúng túng trong việc tìm ra giải pháp nhằm khắc phục các vấn đề của ngành, trong khi nạn tham nhũng trong ngành vẫn đang gây cản trở đến hiệu quả công tác cải cách của Chính phủ. ■

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Mưa tháng sáu

Mơ hồ như sương bụi
Lác đác rắc nhạt nhòa
Trong suốt mây áo mỏng
Rùn rẩy rồi vỡ òa

Lặng lẽ mưa thấm thềm nhà vắng lạnh
Gió thổi dài hoang hoải trải nhớ nhung
Hình như đã có một ngày rất nắng
Có một ngày cầu vồng ngả ngang sông

Lộ nhô sỏi nổi lối về vô định
Buồn chơi vơi tím biếc phút chiều tà
Thì thầm gọi
riêng tên mình
rất khẽ

Mưa vô tình
rơi mãi
phía
thình không

Vũ Thanh Hoa

Đêm mùa hạ

Có một đêm hè như thế
Bình yên tiếng lá buông rơi
Ai người hôm nay xa phố
Có nghe gió hát thành lời

Úp mặt vào đêm phố ngủ
Nỗi niềm giấu cả vào đêm
Ngày dài trốn vào im lặng
Buồn, vui khúc nhạc êm đêm

Có một đêm hè như thế
Tiếng rao điểm nhịp thời gian
Cho ta xuôi về bến nhớ
Tuổi thơ xao động tán bâng

Vẫn cột đèn nghiêng nghiêng bóng
Mà sao bỗng thấy băng khuâng
Mùa đi có còn trở lại
Phố hè hệt hững hờ chân

Lê Hiếu Trung

Yêu

Người yêu hoa huệ hoa hồng
Còn tôi yêu ngọn cải ngồng vườn ai
Người yêu khóm trúc nhành mai
Còn tôi yêu bụi tre gai náu cào
Chỉ là tiếng ếch bờ ao
Mà tôi cứ ngỡ lời chào thân thương !

Yêu thì lòng dạ vẩn vương
Không yêu mọi thứ cũng thường vậy thôi...

Vũ Xuân Hồng

